

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2020



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE

MỤC LỤC

Danh mục đồ thị - bảng	iii
Danh mục các từ viết tắt	iv
Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	vii
Lời tựa của Thống đốc	ix
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	xii
■ Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành CSTT của một số quốc gia	2
2. Tổng quan kinh tế Việt Nam	3
2.1. Tăng trưởng kinh tế	4
2.2. Lao động, thu nhập, năng suất	6
2.3. Diễn biến lạm phát	7
2.4. Thu chi NSNN	9
2.5. Cán cân thanh toán	9
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	10
2.7. Hoạt động của các TCTD	16
■ Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	21
1. Điều hành CSTT	21
2. Quản lý ngoại hối	25
3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng	26
4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính	30
5. Công tác pháp chế	30
6. Công tác phát hành kho quỹ	31
7. Hoạt động thanh toán và chuyển đổi số	32
8. Hoạt động thông tin tín dụng	36
9. Hoạt động truyền thông, minh bạch hóa thông tin	38
■ Phần III - Quản trị nội bộ	40
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	40
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	40
3. Công tác nghiên cứu khoa học	42
4. Công tác thống kê	43
5. Công nghệ thông tin	44
■ Phần IV - Hợp tác quốc tế	46
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	46
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	48
3. Quan hệ hợp tác song phương	51

■ Phụ lục	53
Phụ lục 1: Các mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố	54
Phụ lục 2: Hoạt động nghiệp vụ thị trường mở	54
Phụ lục 3: Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	55
Phụ lục 4: Cán cân thanh toán quốc tế	56
Phụ lục 5: Tỷ giá giữa VND và USD	57
Phụ lục 6: Giá vàng thị trường trong nước	57
Phụ lục 7: Chỉ số giá tiêu dùng	58
Phụ lục 8: Một số chỉ tiêu tiền tệ, tín dụng	59
Phụ lục 9: Tổng sản phẩm trong nước	59

DANH MỤC ĐỒ THỊ - BẢNG

Danh mục đồ thị

Đồ thị 1: Tăng trưởng GDP thực và đóng góp của các ngành sản xuất, 2016-2020	5
Đồ thị 2: Diễn biến lạm phát CPI, lạm phát cơ bản, 2016-2020	8
Đồ thị 3: Cán cân thanh toán của Việt Nam, 2016-2020	9
Đồ thị 4: Tăng trưởng các chỉ tiêu tiền tệ, 2016-2020	11
Đồ thị 5: Tăng trưởng huy động vốn, 2019-2020	12
Đồ thị 6: Tỷ trọng huy động vốn theo khối ngân hàng năm 2020	12
Đồ thị 7: Tỷ trọng tín dụng đối với nền kinh tế theo khối ngân hàng năm 2020	12
Đồ thị 8: Tăng trưởng tín dụng đối với nền kinh tế, 2019-2020	13
Đồ thị 9: Lãi suất huy động và cho vay bình quân, 2016-2020	14
Đồ thị 10: Lãi suất bình quân liên ngân hàng bằng VND, 2016-2020	15
Đồ thị 11: Diễn biến tỷ giá VND/USD năm 2020	16
Đồ thị 12: Biến động giao dịch Hệ thống TTĐTLNH, 2016-2020	33
Đồ thị 13: Số lượng hồ sơ khách hàng vay trong kho dữ liệu CIC, 2016-2020	37
Đồ thị 14: Số lượng báo cáo thông tin tín dụng CIC cung cấp cho TCTD, 2016-2020	37
Đồ thị 15: Biên chế công chức của NHNN được Thủ tướng Chính phủ giao và tỷ lệ giảm biên chế giai đoạn 2015-2021	41

Danh mục bảng

Bảng 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam (đến 31/12/2020)	17
Bảng 2: Thống kê một số chỉ tiêu cơ bản	18
Bảng 3: Tỷ lệ an toàn vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	19
Bảng 4: Một số chỉ tiêu hoạt động của TCTD	20

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung viết tắt
ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
BoJ	Ngân hàng trung ương Nhật Bản
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CIC	Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CSTT	Chính sách tiền tệ
DTBB	Dự trữ bắt buộc
DTNHNN	Dự trữ ngoại hối nhà nước
ECB	Ngân hàng trung ương châu Âu
Fed	Cục Dự trữ liên bang Mỹ
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
M2	Tổng phương tiện thanh toán
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách xã hội
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHTW	Ngân hàng trung ương
NSNN	Ngân sách Nhà nước
PBoC	Ngân hàng trung ương Trung Quốc
QPPL	Quy phạm pháp luật
QTDND	Quỹ tín dụng nhân dân
ROA	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản
ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
TTĐTLNH	Thanh toán điện tử liên ngân hàng
TTKDTM	Thanh toán không dùng tiền mặt
USD	Đô-la Mỹ
VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

VỊ THẾ, CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

☐ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

☐ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

☐ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

☐ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

**BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**



Ông Lê Minh Hưng
Thống đốc
(đến ngày 11/11/2020)



Bà Nguyễn Thị Hồng
Thống đốc
(bổ nhiệm từ ngày 12/11/2020)



Ông Đào Minh Tú
Phó Thống đốc thường trực



Ông Nguyễn Kim Anh
Phó Thống đốc



Ông Đoàn Thái Sơn
Phó Thống đốc



Thống đốc
Nguyễn Thị Hồng

Lời tựa của Thống đốc

Đại dịch Covid-19 bùng phát trong năm 2020 gây suy thoái kinh tế toàn cầu, ngưng trệ, gián đoạn chuỗi cung ứng; thị trường tài chính, tiền tệ biến động mạnh, dòng vốn rút khỏi thị trường mới nổi. Hàng loạt các chính sách, biện pháp hỗ trợ nền kinh tế vượt qua khó khăn với quy mô lớn chưa từng có được nhiều quốc gia đồng loạt triển khai. Trong nước, đại dịch Covid-19 cùng thiên tai, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn... ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như việc làm và thu nhập của người lao động.

Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện mục tiêu kép “*Vừa phòng chống dịch, vừa phục hồi, phát triển kinh tế, bảo đảm đời sống nhân dân*”, NHNN chủ động, linh hoạt điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, phối hợp chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô để ứng phó dịch bệnh, kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường và nền tảng kinh tế vĩ mô; quyết liệt triển khai các giải pháp đột phá, ứng phó kịp thời với đại dịch, góp phần phục hồi tăng trưởng, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân:

Thứ nhất, kịp thời điều chỉnh giảm đồng bộ 03 lần các mức lãi suất điều hành, tổng mức giảm 1,5-2%/năm, đưa Việt Nam thành một trong các nước có mức giảm lãi suất điều hành cao nhất khu vực, tạo điều kiện cho các TCTD tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN để giảm lãi suất cho vay nền kinh tế. Đồng thời, chỉ đạo các TCTD chủ động cân đối tài chính, triệt để tiết giảm chi phí, tập trung mọi nguồn lực để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý nhằm hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn. Nhờ đó, lạm phát CPI bình quân năm 2020 đạt 3,23%; trong đó, lạm phát cơ bản bình quân ở mức 2,31%, góp phần ổn định lạm phát CPI, kiến tạo nền tảng vĩ mô vững chắc và môi trường kinh doanh lành mạnh, ổn định.

Thứ hai, chủ động, kịp thời ban hành VBQPPL tạo hành lang pháp lý, cơ chế đột phá để TCTD hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân; trong đó có Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc đối với người lao động với lãi suất 0%/năm, thời hạn giải ngân tái cấp vốn đối với NHCSXH đến hết ngày 31/01/2021, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Thứ ba, điều hành tín dụng linh hoạt, đảm bảo cung ứng vốn đầy đủ, kịp thời cho nền kinh tế, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với

lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, cho vay ngoại tệ; đẩy mạnh triển khai tín dụng chính sách tại NHCSXH góp phần thực hiện an sinh xã hội, đẩy lùi tín dụng đen; kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận tín dụng ngân hàng, triển khai nhiều Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp trên toàn quốc. Nhờ đó, hoạt động của ngành Ngân hàng đã góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế năm 2020 đạt 2,91%, thuộc số ít quốc gia có tăng trưởng dương.

Thứ tư, tỷ giá trung tâm và thị trường ngoại hối tiếp tục được điều hành linh hoạt, hiệu quả, hạn chế tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ, góp phần hấp thu các cú sốc đối với nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh dịch Covid-19 lan rộng làm gia tăng nhu cầu thanh khoản USD trên toàn cầu. NHNN điều tiết thanh khoản hợp lý, chủ động truyền thông, can thiệp mua/bán ngoại tệ với các TCTD; nhờ đó, thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ được đáp ứng đầy đủ, kịp thời; DTNHNN tăng cao giúp gia tăng tiềm lực tài chính và củng cố uy tín quốc gia.

Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu TCTD gắn với xử lý nợ xấu với nhiều giải pháp đột phá, tháo gỡ nhiều “nút thắt”; tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động của các TCTD, thường xuyên cảnh báo rủi ro, từ đó nâng cao vai trò trung gian tài chính của hệ thống TCTD gắn với việc đảm bảo an toàn hệ thống. Qua đó, sự ổn định, an toàn của hệ thống TCTD tiếp tục được củng cố; năng lực tài chính, quản trị điều hành, quản lý rủi ro từng bước được cải thiện và tiệm cận dần với thông lệ quốc tế; thanh khoản hệ thống đảm bảo, chất lượng tín dụng nâng cao; nợ xấu được kiểm soát và xử lý hiệu quả.

Thứ sáu, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, tăng cường số hóa và quá trình chuyển đổi số trong hệ thống ngân hàng; đổi mới và phát triển sản phẩm, dịch vụ thanh toán gắn với việc nâng cao chất lượng phục vụ; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, tăng cường an ninh, an toàn và bảo mật trong hoạt động ngân hàng, góp phần nâng cao vai trò huyết mạch của hệ thống thanh toán trong việc cung cấp vốn cho nền kinh tế. Ngoài ra, để tạo điều kiện cho các TCTD giảm phí dịch vụ, hỗ trợ khách hàng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, NHNN điều chỉnh giảm mạnh phí dịch vụ thanh toán trong nước qua Hệ thống TTĐTLNH.

Song song với các giải pháp, chính sách nêu trên, NHNN triển khai có hiệu quả và đồng bộ các giải pháp điều hành khác; quản lý bình ổn thị trường vàng; triển khai quyết liệt cải cách hành chính, minh bạch hóa thông tin; đẩy mạnh công tác truyền thông; đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê, tổ chức, đào tạo, nghiên cứu khoa học, giám sát tài chính... Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục phát triển, mở rộng quan hệ song phương và đa phương với NHTW các nước, các tổ chức tài chính quốc tế nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Năm 2021, những khó khăn, thách thức đặt ra cho ngành Ngân hàng là rất lớn. Song với những kết quả tích cực đạt được trong các năm qua và sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng, Nhà nước, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương,

NHNN và ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục cố gắng nỗ lực không ngừng để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân tin cậy giao phó, tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và tạo đà thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội.

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Hồng', written in a cursive style.

NGUYỄN THỊ HỒNG

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

<i>Vụ Chính sách tiền tệ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quyết định việc sử dụng công cụ thực hiện CSTT quốc gia, bao gồm tái cấp vốn, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, phát hành tín phiếu NHNN và các công cụ, biện pháp khác để thực hiện CSTT quốc gia.
<i>Vụ Quản lý ngoại hối</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối, hoạt động ngoại hối và hoạt động kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Thanh toán</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân và hoạt động ngân hàng số theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Tín dụng các ngành kinh tế</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng đối với các ngành kinh tế theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Dự báo, thống kê</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Hợp tác quốc tế</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN.
<i>Vụ Kiểm toán nội bộ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc NHNN.
<i>Vụ Pháp chế</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối.
<i>Vụ Tài chính - Kế toán</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng công trình của NHNN; quản lý nhà nước về kế toán, tài chính, đầu tư xây dựng công trình của ngành Ngân hàng.
<i>Vụ Tổ chức cán bộ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban Cán sự Đảng NHNN thực hiện công tác tổ chức và biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.

<i>Vụ Thi đua - khen thưởng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Vụ Truyền thông</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động truyền thông ngành Ngân hàng liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của NHNN.
<i>Văn phòng</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc trong công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của NHNN; quản lý hoạt động văn thư, lưu trữ của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Công nghệ thông tin</i>	Giúp Thống đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ thông tin trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng và triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin trong NHNN.
<i>Cục Phát hành và Kho quỹ</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng NHTW về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.
<i>Cục Quản trị</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý về tài sản công (không bao gồm tài sản đã giao đơn vị sự nghiệp tự chủ) được Thống đốc giao và công tác quản trị, phục vụ hậu cần của NHNN trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh gồm: quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo vệ, an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.
<i>Sở Giao dịch</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ NHTW.
<i>Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng</i>	Đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc.
<i>Các chi nhánh tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i>	Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ NHTW theo ủy quyền của Thống đốc.

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Viện Chiến lược ngân hàng

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu, triển khai và quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của ngành Ngân hàng phục vụ yêu cầu của NHNN và theo quy định của pháp luật.

Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc NHNN, thực hiện chức năng thu thập, xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin tín dụng, đăng ký tín dụng; chấm điểm, xếp hạng tín dụng pháp nhân và thể nhân trên lãnh thổ Việt Nam; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro tín dụng và phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của NHNN theo quy định của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về xã hội và hoạt động ngân hàng, có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận và diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của NHNN và của ngành Ngân hàng.

Học viện Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ở trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng và các ngành, chuyên ngành khác khi được cấp có thẩm quyền quy định.

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Năm 2020, kinh tế toàn cầu suy thoái sâu nhất trong nhiều thập kỷ trở lại đây dưới tác động của đại dịch Covid-19, thương mại và đầu tư quốc tế sụt giảm mạnh. Thị trường hàng hóa thế giới biến động phức tạp; giá lương thực, thực phẩm tăng lên mức cao nhất trong 6 năm gần đây; giá dầu WTI trồi sụt, bình quân năm 2020 giảm 31,3% so với năm 2019. Trong bối cảnh đó, lạm phát các nước được duy trì ở mức thấp. Trên thị trường tài chính, dòng vốn rút khỏi các thị trường mới nổi (trừ Trung Quốc), chỉ số USD-Index giảm 6,4%; giá vàng tăng 24% do nhu cầu phòng vệ trong bối cảnh khủng hoảng. Các tổ chức quốc tế liên tục điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu. Trước diễn biến đó, NHTW các nước triển khai nhiều biện pháp nới lỏng tiền tệ chưa từng có nhằm hỗ trợ nền kinh tế.

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo thống kê của IMF,¹ tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2020 giảm 3,3% (2019: 2,8%); lạm phát toàn cầu tăng chậm lại, từ mức 3,5% năm 2019 xuống mức 3,2% năm 2020.

Kinh tế Mỹ suy giảm sâu 3,5% (2019: 2,2%). Thị trường lao động bị tác động mạnh, tỷ lệ thất nghiệp tăng từ 3,5% cuối năm 2019 lên 6,7% cuối năm 2020. Trong bối cảnh kinh tế suy thoái, Fed giảm lãi suất điều hành khẩn cấp từ mức 1,5-1,75% xuống mức 0-0,25%. Thâm hụt ngân sách kết thúc năm tài khóa 2020 gấp 3 lần so với mức thâm hụt năm 2019, lên mức 3,1 nghìn tỷ USD, tương đương khoảng 15,2% GDP - là mức thâm hụt tính theo GDP lớn nhất kể từ năm 1945. Nợ công năm 2020 tăng từ mức 108,2% GDP năm 2019 lên 127,1% GDP. Lạm phát tăng chậm lại, từ mức 1,8% năm 2019 xuống mức 1,2% năm 2020.

Kinh tế khu vực đồng Euro sụt giảm nghiêm trọng 6,6% (2019: 1,3%). Trong số các nền kinh tế lớn, kinh tế Italy giảm 8,9% (2019: 0,3%); Pháp giảm 8,2%



Kinh tế thế giới năm 2020 suy thoái mạnh dưới tác động của đại dịch Covid-19. Lạm phát toàn cầu ở mức thấp, giá dầu thô thế giới sụt giảm mạnh.

¹ Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu cập nhật tháng 4/2020, IMF.

(2019: 1,5%); Đức giảm 4,9% (2019: 0,6%) và Tây Ban Nha giảm 11% (2019: 2%). Nợ công tăng từ 84% GDP năm 2019 lên 96,9% GDP năm 2020, đặc biệt tăng cao tại Hy Lạp: 213,1% GDP và Italy: 155,6% GDP. Lạm phát toàn khu vực chậm lại từ mức 1,2% năm 2019 xuống 0,3% năm 2020. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực tăng lên 8,3% (2019: 7,4%), trong đó tăng cao tại Tây Ban Nha: 16,2%, Italy: 9% và Pháp: 8,9%.

Kinh tế Nhật Bản sụt giảm 4,8% (2019: 0,3%). Kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh, nhiều hoạt động kinh tế xã hội bị đình trệ khiến kinh tế suy thoái. Nợ công ở mức 256,2% GDP (2019: 234,9% GDP). Lạm phát ở mức -0,02% (năm 2019: 0,5%).

Các nước mới nổi và đang phát triển sụt giảm 2,2% (2019: 3,6%) - mức tăng trưởng âm đầu tiên trong gần nửa thế kỷ qua. Trong khối BRICS, duy nhất Trung Quốc tăng trưởng dương 2,3% (2019: 6,0%) nhờ kiểm soát dịch bệnh sớm hơn khiến hoạt động kinh tế phục hồi nhanh. Các nước Bra-xin, Nga, Ấn Độ đều sụt giảm, lần lượt giảm 4,1%; 3,1%; 8,0% (2019: 1,4%; 2,0%; 4,0%). Nhóm các nước ASEAN-5² sụt giảm 3,4% (2019: 4,8%) trong đó duy nhất Việt Nam tăng trưởng dương, các nền kinh tế khác đều sụt giảm. Lạm phát trung bình của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển ở mức 5,1%, tương đương mức 5,08% của năm 2019.

Thương mại toàn cầu sụt giảm 8,5% trong bối cảnh hoạt động thương mại bị gián đoạn, đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu khi chính phủ nhiều nước áp dụng các biện pháp phong tỏa, giãn cách, đóng cửa biên giới.

Đầu tư toàn cầu sụt giảm 35% từ mức 1500 tỷ USD năm 2019 xuống 1000 tỷ USD năm 2020 (mức thấp nhất kể từ năm 2005). Sự sụt giảm chủ yếu tập trung ở các nước phát triển, giảm 58%, các nước đang phát triển giảm 8%.

1.2. Điều hành CSTT của một số quốc gia

CSTT được các NHTW hướng đến mục tiêu đảm bảo thanh khoản thị trường, khẩn cấp hỗ trợ nền kinh tế thông qua cắt giảm mạnh lãi suất (với tổng cộng 207 lượt hạ lãi suất trên toàn cầu), triển khai nhanh chóng

2 Gồm: Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan, Việt Nam.



Trước nguy cơ khủng hoảng kinh tế do đại dịch Covid-19,

các gói nới lỏng định lượng quy mô lớn chưa từng có, hỗ trợ trực tiếp khu vực doanh nghiệp, can thiệp thị trường trái phiếu doanh nghiệp, triển khai các chương trình cho vay doanh nghiệp lãi suất thấp... nới lỏng các quy định đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng để đảm bảo hoạt động xuyên suốt của hệ thống tài chính và tạo điều kiện cho dòng vốn tín dụng đến các hộ gia đình và doanh nghiệp.

Đối với các nước phát triển, Fed hạ lãi suất Fed Fund Rate khẩn cấp với tổng mức giảm 1,5 điểm phần trăm, về mức 0-0,25%; lần đầu tiên thực hiện mua “không giới hạn” trái phiếu Chính phủ và trái phiếu có bảo đảm bằng tài sản với quy mô 120 tỷ USD/tháng; triển khai đồng loạt các chương trình cho vay chính quyền địa phương, doanh nghiệp nhỏ và vừa, tài trợ phát hành thương phiếu...; áp dụng mục tiêu “lạm phát bình quân” nhằm cho phép lạm phát vượt mục tiêu trong một khoảng thời gian. ECB duy trì chính sách lãi suất âm; mở rộng quy mô Chương trình mua khẩn cấp trong Đại dịch (PEPP) lên mức 1.850 tỷ EUR và cam kết thực hiện đến tháng 3/2022; nới lỏng điều kiện tài sản đảm bảo được phép tham gia tái cấp vốn. BoJ duy trì chính sách lãi suất âm cùng nhiều chương trình cho vay lãi suất ưu đãi và mua trái phiếu Chính phủ “không giới hạn”.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, trong bối cảnh làn sóng nới lỏng tiền tệ tại các quốc gia phát triển và nguy cơ suy thoái kinh tế, các quốc gia mới nổi và đang phát triển cũng lựa chọn triển khai nhiều giải pháp nới lỏng CSTT để hỗ trợ kinh tế trong nước. PBoC hạ lãi suất, giảm tỷ lệ DTBB, bơm thanh khoản, tăng hạn mức tín dụng dành cho đối tượng doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhỏ và vừa. NHTW Ấn Độ hạ lãi suất chính sách và hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng.

2. Tổng quan kinh tế Việt Nam

Năm 2020, dịch Covid-19 gây ra cú sốc lớn làm kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu suy thoái nghiêm trọng. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ đà tăng trưởng tích cực năm 2019, dịch Covid-19 tác động sâu rộng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội, sản xuất kinh doanh, nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội bị

NHTW các nước đã triển khai nhiều biện pháp nới lỏng tiền tệ quy mô lớn chưa từng có nhằm cứu trợ nền kinh tế.

ảnh hưởng nghiêm trọng; hàng triệu lao động thiếu, mất việc làm, thu nhập suy giảm. Cùng với đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, thiên tai, hạn hán, lũ lụt gây thiệt hại nặng nề đến sản xuất và đời sống nhân dân. Trong bối cảnh đó, ngoài các nhiệm vụ, giải pháp được Chính phủ đề ra từ đầu năm tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP, Đảng, Nhà nước tiếp tục đưa ra nhiều chủ trương, chính sách kịp thời, xử lý các vấn đề cấp bách của nền kinh tế, thông qua việc ban hành Kết luận số 77-KL/TW ngày 05/6/2020 của Bộ Chính trị về “*Chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển kinh tế đất nước*”, chỉ đạo tập trung thực hiện các giải pháp bảo vệ sức khỏe của nhân dân, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đồng thời biến “*nguy*” thành “*cơ*” để thúc đẩy mạnh mẽ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nhờ sự vào cuộc quyết liệt, tinh thần đoàn kết, đồng lòng của hệ thống chính trị, Việt Nam đã khắc phục khó khăn để vươn lên mạnh mẽ, thực hiện thành công “*mục tiêu kép*”: Vừa phòng chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế, bảo đảm đời sống nhân dân. Nhờ đó, nền tảng kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, DTNHNN đạt mức cao kỷ lục, từng bước khôi phục sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 2,91%, là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới; đồng thời, thiệt hại do dịch bệnh tác động được giảm thiểu, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho nhân dân. Việt Nam được thế giới ghi nhận, đánh giá là điểm sáng về phòng, chống dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

“

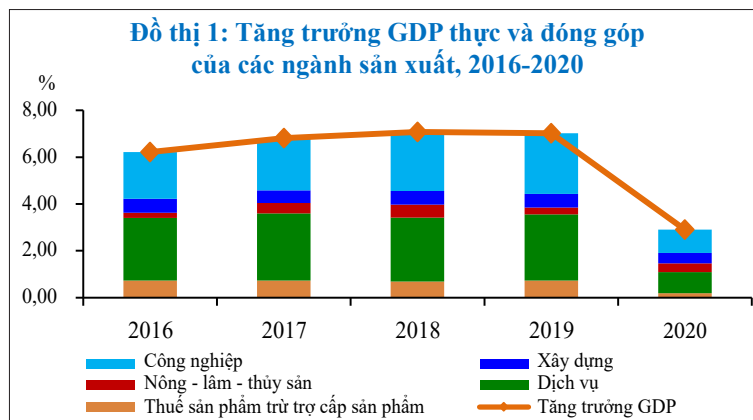
Năm 2020, tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt 2,91%, là mức tăng thấp nhất kể từ năm 1988, nhưng vẫn

Theo lĩnh vực kinh tế, khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ có mức tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19. Khu vực nông - lâm - thủy sản có mức tăng cao hơn năm 2019, thể hiện vai trò trụ đỡ của nền kinh tế trong lúc khó khăn, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện công tác an sinh trong đại dịch

Nông - lâm - thủy sản tăng 2,68%, cao hơn mức tăng 2,01% của năm 2019 chủ yếu do sự phục hồi mạnh mẽ của ngành nông nghiệp trong khi ngành lâm nghiệp và thủy sản chậm lại. Ngành nông nghiệp tăng 2,55% (2019: 0,61%) nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của hoạt động chăn nuôi lợn sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch tả lợn châu Phi.

Công nghiệp tăng 3,36% - mức tăng thấp nhất trong 10 năm gần đây do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82% - mức tăng thấp nhất trong vòng 11 năm, nhưng trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, ngành công nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo dẫn dắt mức tăng trưởng chung của nền kinh tế. Ngành khai khoáng sụt giảm 5,62% do sản lượng khai thác dầu thô giảm 12,6% và khí đốt tự nhiên giảm 11,5%.

thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu. Về phía cung, khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng trưởng chậm lại đáng kể, chỉ có khu vực nông - lâm - thủy sản tăng cao hơn năm 2019. Về phía cầu, tiêu dùng, đầu tư và xuất nhập khẩu đều tăng chậm lại.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của NHNN

Xây dựng tăng khá 6,76% nhờ chính sách thúc đẩy đầu tư công của Chính phủ (thực hiện vốn đầu tư từ NSNN tăng 34,5% - mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm gần đây). Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tổng vốn đầu tư toàn xã hội chỉ tăng 5,7%, trong đó khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đều tăng thấp hoặc giảm, riêng khu vực kinh tế Nhà nước có mức tăng cao 14,5% nhờ giải ngân vốn đầu tư công.

Dịch vụ tăng 2,34% - là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch bệnh. Nhiều lĩnh vực tăng chậm, thậm chí giảm mạnh như bán buôn và bán lẻ tăng 5,53% - mức tăng thấp nhất trong vòng 15 năm, vận tải tăng trưởng âm (-1,88%), đặc biệt dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm mạnh ở mức 14,68% (số lượng khách quốc tế đến

Việt Nam đạt 3,8 triệu lượt người, giảm 78,7% so với năm 2019). Tuy nhiên, một số lĩnh vực như y tế, hoạt động tài chính ngân hàng... tăng cao lần lượt là 10,58% và 6,87%.

Đầu tư và xuất khẩu là yếu tố chính đóng góp vào tăng trưởng trong khi tiêu dùng, đặc biệt là tiêu dùng tư nhân chậm lại đáng kể

Tiêu dùng cuối cùng chỉ tăng 1,06% - mức tăng thấp nhất trong 16 năm gần đây, chủ yếu do sự chậm lại của tiêu dùng tư nhân. Tiêu dùng tư nhân tăng 0,58% do thu nhập của người dân giảm (năm 2020, GDP bình quân đầu người tăng 3,06%, thấp hơn mức tăng 6,88% của năm 2019), trong khi đó tiêu dùng Nhà nước tăng cao ở mức 6,16% do tăng chi tiêu cho các hoạt động phòng, chống dịch và hỗ trợ các hoạt động chống hạn hán, lũ lụt (chi thường xuyên tăng 7,11%, cao hơn mức trung bình 6,3% của giai đoạn 2016-2019).

Tổng tích lũy tài sản tăng 4,12% (2019: 7,91%) tương ứng với việc tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng chậm lại ở mức 5,7%. Trong khi đầu tư khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chậm lại do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, với mức tăng tương ứng là 3,1% và -1,3% thì đầu tư khu vực Nhà nước tăng 14,5% - mức tăng cao nhất trong vòng 8 năm gần đây chủ yếu do Chính phủ đẩy mạnh các giải pháp giải ngân vốn đầu tư công để duy trì tăng trưởng kinh tế.

Xuất khẩu ròng đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế (0,27 điểm phần trăm). Trong đó, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 4,41% (2019: 6,71%); nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 3,92% (2019: 8,35%). Mặc dù hoạt động xuất nhập khẩu năm 2020 chậm lại do ảnh hưởng của Covid-19 nhưng mức tăng trưởng dương của Việt Nam vẫn là điểm sáng trong bối cảnh thương mại toàn cầu gặp nhiều khó khăn.

2.2. Lao động, thu nhập, năng suất

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 54,6 triệu người, giảm 1,2 triệu người so với năm 2019, gồm: Lao động nam 28,7 triệu người; chiếm 52,6%; lao động nữ là 25,9 triệu người, chiếm 47,4%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động

“

Tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, thu nhập bình quân đầu

ước tính là 2,48% (cao nhất là trong quý II: 2,73%), trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,88%; khu vực nông thôn là 1,75% (Năm 2019 lần lượt là 2,17%; 3,11% và 1,69%). Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2020 ước tính là 7,1%, trong đó khu vực thành thị là 10,63%; khu vực nông thôn là 5,45%.

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2020 ước tính đạt 117,9 triệu đồng/lao động (tương đương 5.081 USD/lao động, tăng 290 USD so với năm 2019); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,4% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ năm 2020 đạt 24,1%, cao hơn mức 22,8% của năm 2019).

Quy mô nền kinh tế năm 2020 đạt 6.293.145 tỷ đồng (tương đương khoảng 271 tỷ USD); GDP bình quân đầu người là 64,49 triệu đồng. Lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được giữ ở mức 1,49 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/7/2019 theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019. Mức lương tối thiểu đối với người lao động theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 được điều chỉnh tăng từ ngày 01/01/2020; theo đó, mức lương của người lao động được phân theo 04 vùng, tương ứng 4,42 triệu đồng/tháng; 3,92 triệu đồng/tháng; 3,43 triệu đồng/tháng và 3,07 triệu đồng/tháng.

2.3. Diễn biến lạm phát

Mặc dù những tháng đầu năm 2020, lạm phát trong nước chịu nhiều sức ép từ giá thịt lợn tăng cao,³ tuy nhiên áp lực lạm phát giảm dần do tổng cầu nền kinh tế bị suy yếu do tác động của đại dịch Covid-19, kết hợp với giá năng lượng giảm mạnh và dịch tả lợn châu Phi dần được kiểm soát. Lạm phát CPI bình quân cả năm 2020 là 3,23%, phù hợp mục tiêu dưới 4% Quốc hội đề ra. Các yếu tố hỗ trợ kiềm chế lạm phát năm 2020 cụ thể là: (1) Giá nhiên liệu, chất đốt trong nước (xăng dầu, gas,...) giảm mạnh theo giá thế giới. Bình quân cả năm 2020, giá xăng dầu giảm 23,03% dẫn đến chỉ số giá nhóm Giao thông giảm 11,2%; giá gas giảm 0,95%, giá dầu hỏa giảm 31,21%;

³ Bình quân năm 2020, giá thịt lợn tăng 57,23% so với bình quân năm 2019 khiến giá nhóm Thực phẩm tăng 12,28%.

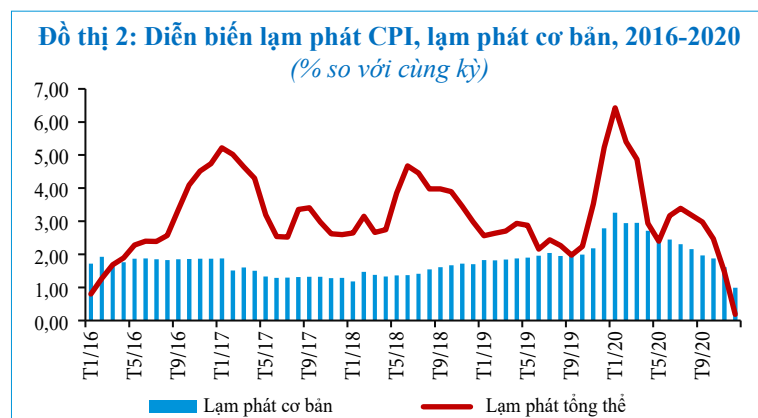
người tăng chậm lại do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

“

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2020 tăng 3,23%, là năm thứ 5 liên tiếp ở mức thấp hơn so với mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản được duy trì ổn định, bình quân ở mức 2,31%.

(2) Thị trường hàng hóa trong nước chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19 khiến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại bị hạn chế, nhu cầu du lịch, dịch vụ lưu trú, ăn uống và các dịch vụ khác đều giảm mạnh (giá du lịch giảm 6,24%, giá vé máy bay giảm 34,7%, giá vé tàu hỏa giảm 2,12%...). Tiêu dùng cuối cùng năm 2020 chỉ tăng 1,06%, là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2005 đến nay; (3) Chính phủ triển khai các chương trình hỗ trợ người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19 như: hỗ trợ giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II/2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hoãn lộ trình tăng giá dịch vụ y tế trong năm 2020; (4) Với sự quyết tâm, chỉ đạo sát sao của Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương trong điều hành thị trường, kiểm soát giá cả, lạm phát, ngăn chặn dịch bệnh, cân đối cung - cầu thị trường hàng hóa trong nước được đảm bảo, mặt bằng giá cả hàng hóa không có biến động lớn; (5) Điều hành CSTT hợp lý, kiên định của NHNN cùng với việc Chính phủ thành công trong kiểm soát lạm phát những năm gần đây đã neo giữ kỳ vọng lạm phát ở mức thấp.

Lạm phát cơ bản mặc dù chịu áp lực từ giá thực phẩm và giá nhà thuê ở mức cao từ cuối năm 2019, nhưng lạm phát cơ bản bình quân cả năm 2020 là 2,31%, cho thấy điều hành CSTT linh hoạt đã đóng góp tích cực giảm áp lực lên lạm phát CPI bình quân trong khi vẫn hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý. Lạm phát thấp và ổn định giúp tạo lập niềm tin của nhà đầu tư vào môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam và thu hút đầu tư nước ngoài.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2.4. Thu chi NSNN

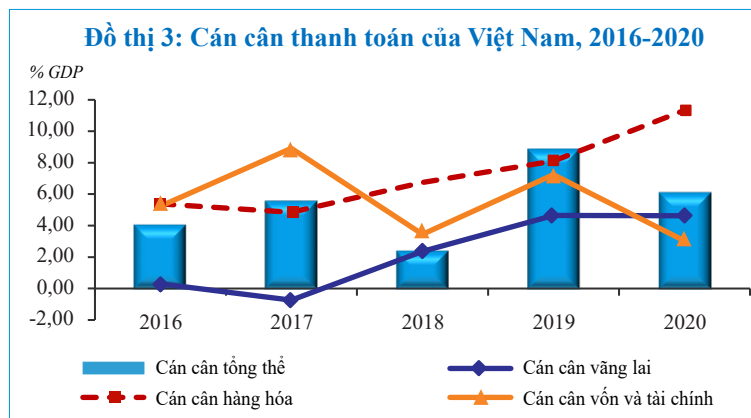
*Thu NSNN*⁴ thấp hơn 0,3% so với dự toán, đạt khoảng 24% GDP (năm 2019: vượt 10,1% dự toán và đạt 25,7% GDP). Tiến độ thu NSNN thấp chủ yếu do các khoản thu từ xuất nhập khẩu đạt thấp và thu từ dầu thô giảm nhẹ so với dự toán. Thu nội địa chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu NSNN (86%) và vượt dự toán 2,1% (năm 2019: vượt 8,9% dự toán). Thu dầu thô thấp hơn dự toán 1,7% (năm 2019: vượt 26,1% dự toán). Thu từ xuất nhập khẩu thấp hơn 14,7% so với dự toán (năm 2019: vượt 13,2% dự toán).

Chi NSNN vượt dự toán 4,7% (năm 2019: thấp hơn 1,87% so với dự toán). Trong đó, chi đầu tư phát triển vượt 16,9% dự toán (năm 2019: thấp hơn 2% so với dự toán); chi thường xuyên vượt 0,8% dự toán (năm 2019: thấp hơn 0,5% so với dự toán).

Bội chi NSNN cao hơn dự toán cả về giá trị tuyệt đối và tương đối, đạt 251.350 tỷ đồng, tương đương 3,99% GDP (năm 2019: 2,67% GDP).

2.5. Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán tổng thể thặng dư 16,63 tỷ USD, là năm thứ 5 liên tiếp thặng dư, tạo nguồn cung ngoại tệ dồi dào trên thị trường ngoại tệ, nhờ đó NHNN mua được ngoại tệ từ các TCTD để tăng DTNHNN.



Nguồn: NHNN

⁴ Số liệu NSNN năm 2020 là số ước thực hiện theo Báo cáo số 82/BC-CP ngày 22/3/2021 của Chính phủ trình Quốc hội. Số liệu NSNN năm 2019 là số quyết toán theo Quyết định số 1592/QĐ-BTC ngày 19/8/2021 về việc công bố công khai quyết toán NSNN năm 2019.

“

Thu NSNN thấp hơn dự toán do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 trong khi chi NSNN tăng cao hơn dự toán do Chính phủ vừa phải thực hiện các nhiệm vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội, vừa phải hỗ trợ nền kinh tế vượt qua khó khăn do đại dịch Covid-19. Tiến độ thu thấp hơn tiến độ chi khiến bội chi NSNN tăng nhẹ so với dự toán.

“

Cán cân thanh toán tổng thể năm 2020 thặng dư năm thứ 5 liên tiếp nhờ kinh tế trong nước giữ được mức tăng trưởng dương, cán cân thương mại và luồng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục thặng dư, tạo điều kiện thuận lợi tăng DTNHNN.

Cán cân vãng lai thặng dư 12,53 tỷ USD, tăng 3% so với mức thặng dư năm 2019 (12,17 tỷ USD). Dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực sản xuất kinh doanh trong nước, khiến nhập khẩu tăng thấp và thu từ dịch vụ (chủ yếu là xuất khẩu) giảm. *Cán cân hàng hóa*⁵ thặng dư 30,7 tỷ USD, tăng 44,8% so với mức thặng dư 21,2 tỷ USD năm 2019. Cán cân thương mại⁶ thặng dư kỷ lục khoảng 20 tỷ USD trong điều kiện xuất khẩu giữ vững được đã tăng trưởng nhưng nhập khẩu giảm mạnh. *Cán cân dịch vụ* thâm hụt kỷ lục 12,04 tỷ USD, chủ yếu do sự sụt giảm của các nguồn thu xuất khẩu dịch vụ (xuất khẩu dịch vụ năm 2020 bằng 1/3 mức thu của năm 2019, trong khi nhập khẩu dịch vụ giảm 14,5% so với năm 2019). *Cán cân thu nhập* thâm hụt 15,62 tỷ USD, giảm 7% so với mức thâm hụt 16,8 tỷ USD của năm 2019. *Chuyển giao vãng lai* thặng dư 9,46 tỷ USD, tăng 2,3% so với mức thặng dư 9,24 tỷ USD của năm 2019.

Cán cân vốn và tài chính thặng dư 8,2 tỷ USD, giảm 56,7% so với mức thặng dư 18,97 tỷ USD của năm 2019 chủ yếu do tác động bất lợi của đại dịch Covid-19 khiến các luồng vốn vào Việt Nam giảm mức thặng dư (đầu tư trực tiếp, vay nợ nước ngoài) hoặc chuyển sang thâm hụt (đầu tư gián tiếp). *FDI ròng* đạt 15,42 tỷ USD, giảm 1,6% so với năm 2019. *Đầu tư gián tiếp nước ngoài ròng* thâm hụt 1,05 tỷ USD, đảo chiều so với mức thặng dư 3 tỷ USD của năm 2019. *Vay nợ nước ngoài* thặng dư 2,36 tỷ USD, giảm 54,8% so với mức thặng dư 5,22 tỷ USD của năm 2019, vay nợ nước ngoài ròng giảm ở tất cả các kỳ hạn. *Tiền và tiền gửi* thâm hụt 8,5 tỷ USD, cao hơn so với mức thâm hụt 5,2 tỷ USD của năm 2019.

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

Năm 2020, trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19, NHNN chủ động cung cấp thanh khoản cho hệ thống ngân hàng, qua đó hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế. Theo đó, M2 tăng 14,53% so với cuối năm 2019, tương đương mức

“

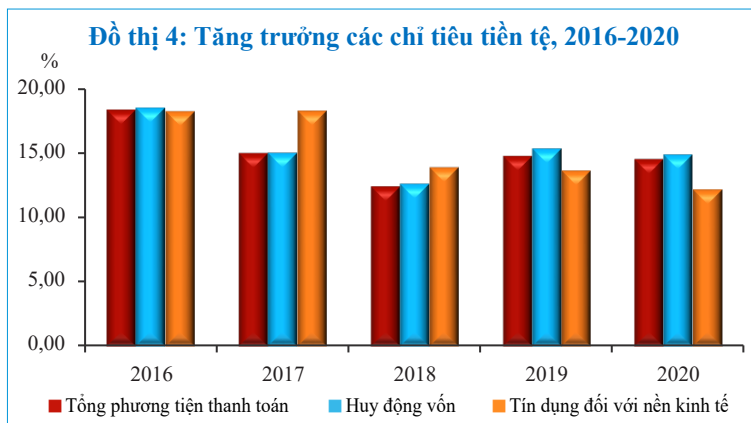
Tổng phương tiện thanh toán được điều tiết hợp lý. Huy động vốn tăng cao; tăng trưởng tín dụng đối với nền

⁵ Cán cân hàng hóa là chênh lệch giữa xuất khẩu hàng hóa giá FOB và nhập khẩu hàng hóa giá FOB.

⁶ Cán cân thương mại là chênh lệch giữa xuất khẩu hàng hóa giá FOB và nhập khẩu hàng hóa giá CIF.

tăng 14,78% của năm 2019. Các cấu phần chính đóng góp vào mức tăng trưởng M2 cụ thể như sau: (1) NHNN mua ròng ngoại tệ bổ sung DTNHNN, cung ứng VND ra nền kinh tế, đồng thời chủ động dừng hoạt động trung hòa lượng VND bơm ra trước bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát, qua đó duy trì vốn khả dụng cho hệ thống ngân hàng; (2) Chính phủ quyết liệt đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, từ đó giảm số dư tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại hệ thống ngân hàng và đưa tiền ra nền kinh tế (năm 2020 giải ngân vốn đầu tư công đạt 97,46% kế hoạch của Chính phủ, cao nhất trong nhiều năm trở lại đây, tăng 32,4% so với năm 2019);⁷ (3) Tăng trưởng tín dụng giảm mạnh trong nửa đầu năm do tác động của đại dịch nhưng phục hồi nhanh trong nửa cuối năm 2020 sau khi dịch bệnh được kiểm soát (năm 2020 tín dụng tăng trưởng 12,17%, năm 2019 tăng 13,65%).

kinh tế gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, phù hợp với khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế và chủ trương, định hướng điều hành CSTT, qua đó góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.



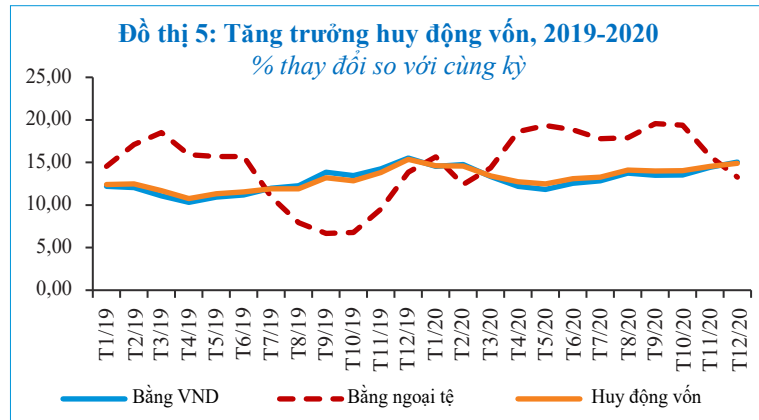
Nguồn: NHNN

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng tiếp tục tăng cao, đặc biệt là huy động vốn VND

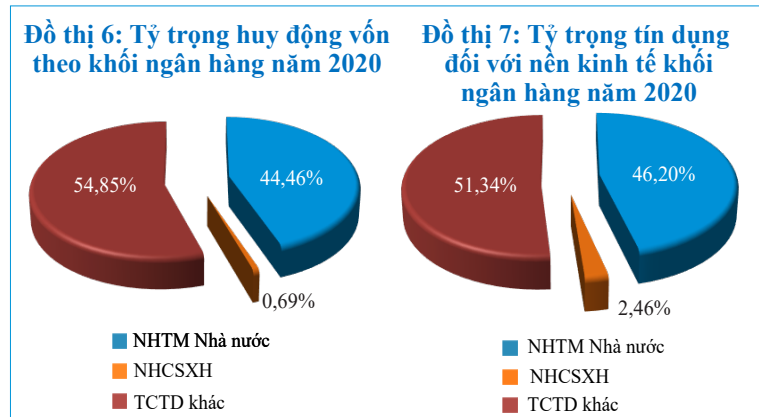
Huy động vốn của toàn hệ thống tăng 14,9% so với cuối năm 2019 (2019: 15,37%); trong đó, huy động VND tăng 15,06% (2019: 15,52%), huy động ngoại tệ tăng 13,27% (2019: 13,85%). Mặc dù tiếp tục tăng trưởng, nhưng huy động ngoại tệ có xu hướng giảm liên tục qua các năm 2018-2020, nhờ đó hệ số đô-la hóa nền kinh tế (tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/M2) giảm liên tục từ 8,16% năm 2018 xuống 8,09% năm 2019 và 8% năm 2020, trong đó tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ của khu vực dân cư/M2 giảm từ 1,78% năm 2018 xuống 1,47% năm 2019 và 1,23% năm 2020.

⁷ Số liệu tính toán dựa trên Báo cáo số 82/BC-CP ngày 22/3/2021 của Chính phủ đánh giá bổ sung kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

Tỷ trọng huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước và NHCSXH tiếp tục giảm nhẹ trong khi nhóm TCTD khác tăng: huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước (không bao gồm NHCSXH) chiếm 44,46% huy động toàn hệ thống (2019: 46,29%); NHCSXH chiếm 0,69% huy động toàn hệ thống (2019: 0,73%); nhóm các TCTD khác⁸ chiếm 54,85% (2019: 52,98%).



Nguồn: NHNN



Nguồn: NHNN

Tăng trưởng tín dụng gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, phù hợp với chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, góp phần kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

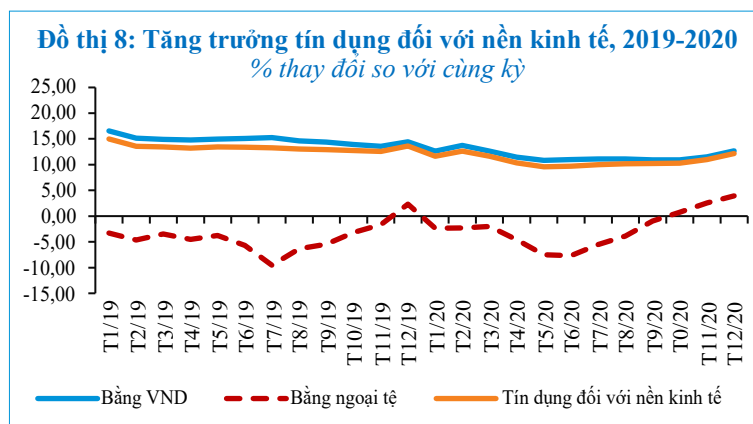
Tín dụng đối với nền kinh tế⁹ tăng 12,17% so với cuối năm 2019 (2019: 13,65%); trong đó, tín dụng VND tăng 12,68%, tín dụng ngoại tệ tăng 3,94%. Tín dụng

⁸ Gồm NHTM cổ phần, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, TCTD phi ngân hàng (công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính), QTDND.

⁹ Dư nợ tín dụng không bao gồm số dư cấp tín dụng theo hợp đồng nhận ủy thác và số dư trái phiếu đặc biệt VAMC.

ngoại tệ được kiểm soát phù hợp với chủ trương hạn chế đô-la hóa nền kinh tế của Chính phủ; tỷ lệ tín dụng ngoại tệ/M2 giảm từ 18,09% năm 2011 xuống 4,55% năm 2019 và 4,13% năm 2020. Tín dụng đối với nền kinh tế được TCTD tập trung phân bổ vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực là động lực tăng trưởng kinh tế, qua đó góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

Cơ cấu tín dụng đối với nền kinh tế có xu hướng tăng nhẹ đối với nhóm TCTD khác trong khi giảm ở nhóm NHTM Nhà nước và NHCSXH: Dự nợ tín dụng của nhóm NHTM Nhà nước (không bao gồm NHCSXH) chiếm 46,2% dự nợ toàn hệ thống (2019: 47,4%); NHCSXH chiếm 2,46% (2019: 2,52%); nhóm các TCTD khác chiếm 51,34% (2019: 50,07%).



Nguồn: NHNN

Diễn biến lãi suất

Lãi suất VND

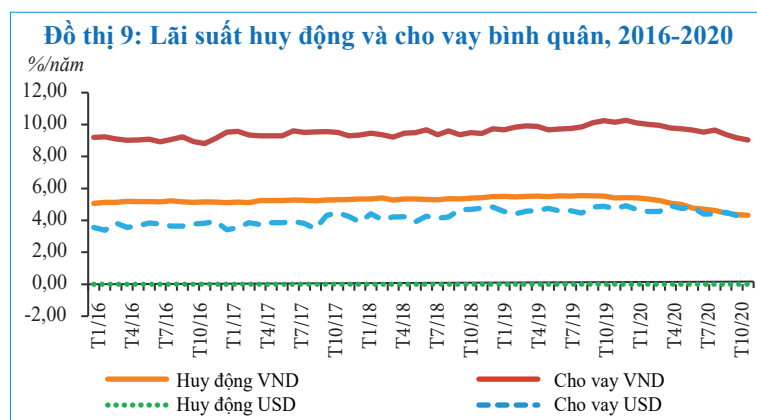
Mặt bằng lãi suất tiền gửi và cho vay của TCTD có xu hướng giảm, phù hợp với động thái điều hành của NHNN nhằm hỗ trợ nền kinh tế ứng phó với tác động của đại dịch. Đến cuối năm 2020, lãi suất tiền gửi VND phổ biến ở mức 0,1-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,2-3,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 4,0-6,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng 5,6-6,8%/năm. Lãi suất cho vay bình quân giảm khoảng 1%/năm so với cuối năm 2019; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa VND đối với một số ngành, lĩnh vực ở mức 4,5%/năm.

“

Mặt bằng lãi suất thị trường có xu hướng giảm theo xu hướng điều hành của NHNN để hỗ trợ nền kinh tế.

Lãi suất USD

Lãi suất USD diễn biến phù hợp với chủ trương của Chính phủ và định hướng điều hành của NHNN về hạn chế đô-la hóa nền kinh tế. Đến cuối năm 2020, lãi suất huy động USD của các TCTD ở mức 0%/năm theo quy định của NHNN; lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3,0-6,0%/năm.



Nguồn: NHNN

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Quy mô thị trường liên ngân hàng tiếp tục mở rộng, đặc biệt là hoạt động cho vay, gửi tiền bằng VND

Tổng doanh số cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 17.292 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND là 7.017 nghìn tỷ đồng, lần lượt tăng 19,1% và 4,3% so với tổng doanh số của năm 2019. So với hoạt động cho vay, gửi tiền, hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD có quy mô nhỏ hơn, doanh số đạt 750 nghìn tỷ đồng trong năm 2020.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2020 tiếp tục chủ yếu dưới 1 tháng, tập trung vào kỳ hạn qua đêm, 1 tuần. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 11.585 nghìn tỷ đồng, bằng USD quy đổi VND đạt 5.212 nghìn tỷ đồng, lần lượt chiếm 67% và 74,3% so với tổng doanh số giao dịch cả năm.

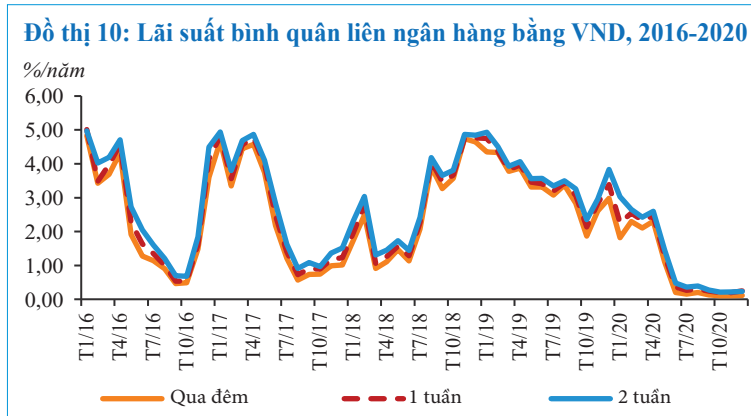
Lãi suất liên ngân hàng giảm

Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm, đặc biệt từ khoảng nửa cuối năm khi lãi suất qua đêm và 1 tuần ở



Lãi suất liên ngân hàng giảm, quy mô thị trường liên ngân hàng tiếp tục mở rộng.

mức thấp trong nhiều năm trở lại đây, do thanh khoản hệ thống dồi dào nhờ tốc độ tăng trưởng huy động vốn cao hơn tín dụng và hệ thống được bổ sung nguồn VND từ việc NHNN mua ngoại tệ từ các TCTD. Tính bình quân cả năm, lãi suất VND kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 2 tuần lần lượt ở mức 0,88%/năm, 1,06%/năm và 1,19%/năm.



Nguồn: NHNN

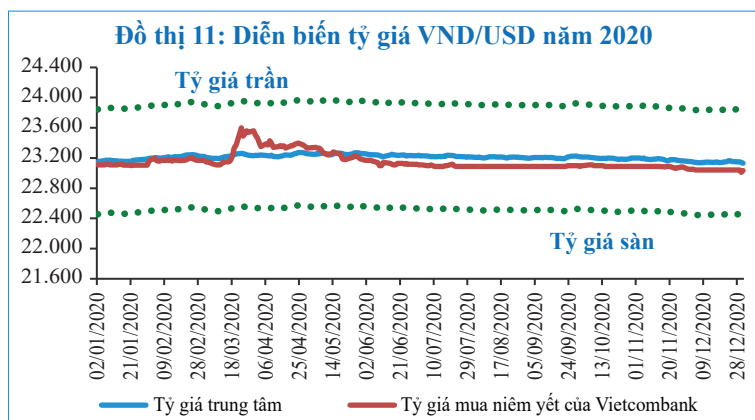
Diễn biến thị trường ngoại tệ

Thị trường ngoại tệ ổn định, thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu mua, bán ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời, NHNN mua được lượng lớn ngoại tệ bổ sung DTNHNN. Sau khi ổn định trong hơn 2 tháng đầu năm, từ ngày 16/3/2020, tỷ giá tăng nhanh do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đối với thị trường toàn cầu. Tuy nhiên, sau khi NHNN chủ động, linh hoạt triển khai các giải pháp, sẵn sàng can thiệp, ổn định tâm lý thị trường, tỷ giá giao dịch thị trường liên ngân hàng có xu hướng giảm. Đến cuối năm 2020, tỷ giá trung tâm giảm 0,1% so với cuối năm 2019, tỷ giá giao dịch VND/USD trên thị trường liên ngân hàng giảm 0,35%.

Thị trường ngoại tệ được duy trì ổn định là nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô trong nước vững chắc, cung cầu ngoại tệ thuận lợi; cơ chế tỷ giá trung tâm tiếp tục phát huy hiệu quả trong việc hấp thu các cú sốc bên ngoài đối với nền kinh tế và hạn chế tình trạng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ.

“

Một số giai đoạn chịu áp lực từ biến động trên thị trường quốc tế, tuy nhiên nhìn chung thị trường ngoại tệ trong nước ổn định nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc và các giải pháp điều hành CSTT chủ động, linh hoạt của NHNN.



Nguồn: NHNN

Diễn biến giá vàng

Đầu năm 2020, giá vàng trong nước giao dịch ở mức 42,7 triệu đồng/lượng, sau đó tăng dần và có thời điểm tăng mạnh theo giá vàng quốc tế, lên mức kỷ lục 62,2 triệu đồng/lượng vào ngày 07/8/2020, tương đương tăng 45,7% so với đầu năm. Từ giữa tháng 8/2020, giá vàng trong nước có xu hướng giảm so với mức tăng kỷ lục trước đó và xuống mức thấp nhất 53,75 triệu đồng/lượng vào ngày 30/11/2020. Đến cuối năm 2020, giá vàng trong nước giao dịch ở mức 56,10 triệu đồng/lượng, tăng khoảng 31,3% so với đầu năm 2019.

Thị trường chứng khoán

Đại dịch Covid-19 tác động mạnh lên thị trường chứng khoán trong quý I/2020, chỉ số VN-Index chạm đáy ở mức 662,26 điểm vào ngày 30/3 (giảm 31,1% so với cuối 2019). Sau đó, thị trường phục hồi trong thời gian còn lại của năm trong bối cảnh Việt Nam thực hiện tốt mục tiêu kép “vừa kiểm soát dịch bệnh, vừa tăng trưởng kinh tế”. Giá trị vốn hóa cổ phiếu trên cả 3 thị trường (HOSE, HNX, UPCOM) đạt trên 5,3 triệu tỷ đồng, tương đương 87,7% GDP (2019: 72,6% GDP). Trong năm 2020, giá trị giao dịch bình quân/phiên giao dịch trên sàn HOSE và HNX lần lượt đạt 7.400 và 720 tỷ đồng, tăng tương ứng 66,7% và 77,9% so với năm 2019. Trong năm 2020, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng cổ phiếu khoảng 19.700 tỷ đồng, ngược với mức mua ròng 7.400 tỷ đồng của năm 2019.

2.7. Hoạt động của các TCTD

Đến cuối năm 2020, hệ thống TCTD gồm 04 NHTM do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 03 NHTM

“

Giá vàng trong nước tăng phù hợp với diễn biến giá vàng quốc tế.

“

Thị trường chứng khoán điều chỉnh trong quý I/2020, sau đó tăng trở lại trong giai đoạn còn lại của năm.

mua bắt buộc; 01 NHCSXH; 01 Ngân hàng Phát triển; 28 NHTMCP; 02 ngân hàng liên doanh; 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trong đó 01 chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình làm thủ tục thanh lý); 26 công ty tài chính, cho thuê tài chính; 01 Ngân hàng Hợp tác xã; 1.181 QTDND và 04 tổ chức tài chính vi mô.

**Bảng 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam
(đến 31/12/2020)**

STT	Loại hình	2019	2020
1	NHTM Nhà nước	4	4
2	Ngân hàng mua bắt buộc	3	3
3	NHCSXH	1	1
4	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1	1
5	NHTMCP	28	28
6	Ngân hàng liên doanh	2	2
7	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	9	9
8	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	49	50
9	Công ty tài chính, cho thuê tài chính	26	26
10	Ngân hàng Hợp tác xã	1	1
11	QTDND	1.182	1.181
12	Tổ chức tài chính vi mô	4	4

Nguồn: NHNN

Năng lực tài chính của các TCTD tiếp tục được củng cố, quy mô hoạt động tiếp tục tăng

Năm 2020, hệ thống TCTD tiếp tục tập trung củng cố năng lực tài chính, chất lượng tài sản và xử lý nợ xấu; thanh khoản hệ thống duy trì ổn định; ý thức tuân thủ pháp luật và chất lượng quản trị, điều hành có nhiều cải thiện; vấn đề sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống các TCTD được xử lý có hiệu quả, tình trạng cổ đông/nhóm cổ đông lớn, thao túng, chi phối ngân hàng được kiểm soát, số cặp TCTD sở hữu chéo trực tiếp lẫn nhau đã khắc phục hết; tình trạng cấp tín dụng vượt giới hạn được cơ bản xử lý, kết quả kinh doanh của các TCTD cải thiện. Đến cuối năm 2020, tổng tài sản toàn hệ thống đạt 14,02 triệu tỷ đồng, tăng 11,45% so với cuối năm 2019;



Các TCTD tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành; cải thiện các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tăng cường quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật, phù hợp với thông lệ quốc tế. Thanh khoản hệ thống tiếp tục được đảm bảo, chất lượng tín dụng được nâng cao.

tổng vốn điều lệ toàn hệ thống đạt 660,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,89% so với cuối năm 2019.

Bảng 2: Thống kê một số chỉ tiêu cơ bản

Loại hình TCTD	Tổng tài sản có		Vốn điều lệ		Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn (%)	Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (%)
	Tỷ đồng	± %	Tỷ đồng	± %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NHTM Nhà nước	5.791.840	6,47	155.271	0,08	29,88	81,97
NHCSXH	235.934	10,63	18.271	5,68		
NHTMCP	6.053.176	16,13	317.133	11,39	28,18	70,52
Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	1.522.674	13,14	131.285	8,71		36,28
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	229.048	11,59	30.556	14,71	33,52	
Ngân hàng Hợp tác xã	43.679	22,29	3.030	0,04	17,78	49,74
QTDND	143.201	13,20	5.055	7,25		
Toàn hệ thống	14.019.553	11,45	660.601	7,89	25,79	71,93

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo cân đối tài khoản kế toán, báo cáo thống kê tháng 12/2020 của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm tổ chức tài chính vi mô);
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Số liệu cột (6), (7) không bao gồm NHCSXH (không thuộc đối tượng báo cáo) và QTDND;
- Chỉ tiêu Tổng tài sản có tính theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN;
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn của khối ngân hàng liên doanh, nước ngoài không có giá trị do khối này không sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung, dài hạn;
- Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi theo quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 22/2019/TT-NHNN).

Bảng 3: Tỷ lệ an toàn vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

STT	Loại hình TCTD	Vốn tự có		Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (%)
		Tỷ đồng	± %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN	872.784,1		11,41
1.1	NHTM Nhà nước	211.293,2		8,94
1.2	NHTM cổ phần	458.289,4		10,87
1.3	Ngân hàng nước ngoài	203.165,8		18,99
2	Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 22/2019/TT-NHNN	282.860,55		10,41
2.1	NHTM Nhà nước	212.203,69		10,42
2.2	NHTM cổ phần	59.261,76		9,37
2.3	Ngân hàng nước ngoài	7.248,38		27,00
2.4	Ngân hàng Hợp tác xã	4.146,72		18,82
3.	Nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 36/2014/TT-NHNN	44.187,5	21,49	19,03
3.1	Công ty tài chính, cho thuê tài chính	44.187,5	21,49	19,03

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu dựa trên Báo cáo cân đối tài khoản kế toán, báo cáo thống kê tháng 12/2020 của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm tổ chức tài chính vi mô);
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí toàn cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Vốn tự có, tỷ lệ CAR đã loại bỏ các TCTD có Vốn tự có âm;

Đến cuối năm 2020, ROA và ROE toàn hệ thống lần lượt là 0,96% và 12,11% (năm 2019 lần lượt là 1,01% và 12,95%). Tỷ lệ CAR của nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN là 11,41%; nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 22/2019/TT-NHNN là 10,41%; nhóm ngân hàng áp dụng Thông tư số 36/2014/TT-NHNN là 19,03%. Tỷ lệ dự trữ thanh khoản bình quân đạt 16,62%, hầu hết các TCTD đạt các tỷ lệ, giới hạn an toàn theo quy định của pháp luật.¹⁰

¹⁰ Ngoại trừ một số TCTD yếu kém đang trong quá trình triển khai cơ cấu lại và các TCTD đang thực hiện chuyển tiếp một số giới hạn, tỷ lệ an toàn theo quy định của pháp luật.

Bảng 4: Một số chỉ tiêu hoạt động của TCTD

Đơn vị: %

	ROA	ROE
NHTM Nhà nước	0,85	15,12
NHCSXH	0,36	1,89
NHTM cổ phần	1,07	13,69
Ngân hàng liên doanh, nước ngoài	0,81	5,95
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	2,68	13,37
Ngân hàng Hợp tác xã	0,36	3,93
QTDND	0,82	12,58
Toàn hệ thống	0,96	12,11

Nguồn: NHNN

Ghi chú:

- Số liệu được tính từ Bảng cân đối tài khoản kế toán tháng 12/2020;
- Không bao gồm các tổ chức tài chính vi mô;
- Khối NHTM Nhà nước bao gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP Công Thương Việt Nam, NHTMCP Ngoại thương Việt Nam, NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam, NHTM TNHH MTV Dầu Khí toàn cầu, NHTM TNHH MTV Đại Dương;
- Loại bỏ các TCTD có Vốn chủ sở hữu âm khi tính ROA, ROE.

Thanh khoản hệ thống tiếp tục được đảm bảo, chất lượng tín dụng được nâng cao

Rủi ro thanh khoản: Thanh khoản toàn hệ thống được đảm bảo, các giao dịch ngoại tệ diễn ra thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

Rủi ro tín dụng: Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tác động tiêu cực tới nền kinh tế trong nước, làm suy giảm năng lực tài chính và khả năng trả nợ của doanh nghiệp, NHNN đã chỉ đạo TCTD triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa nợ xấu mới phát sinh, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng và duy trì tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống TCTD ở mức an toàn. Đến cuối tháng 12/2020, nợ xấu nội bảng của hệ thống TCTD tiếp tục được kiểm soát và duy trì ở mức dưới 3% (tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến 31/12/2020 là 1,69%). Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu của hệ thống TCTD đến cuối tháng 12/2020 ở mức 3,81%, giảm so với mức 10,08% cuối năm 2016, mức 7,36% cuối năm 2017, mức 5,85% cuối năm 2018 và mức 4,43% cuối năm 2019.

Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020, NHNN ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 03/01/2020 đề ra mục tiêu, nhiệm vụ toàn ngành Ngân hàng năm 2020: “*Điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp đồng bộ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát bình quân dưới 4%, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế theo mục tiêu, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối. Năm 2020, định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 13%; tín dụng tăng khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Thực hiện các giải pháp về tiền tệ, tín dụng theo phương châm mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn, hiệu quả, đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế*”. Đồng thời, trước những diễn biến phức tạp, khó lường của dịch bệnh Covid-19 tác động tiêu cực đến kinh tế trong nước, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, NHNN ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 quán triệt tinh thần “*chống dịch như chống giặc*” với quyết tâm và đồng bộ thống nhất cao hơn nữa từ Trung ương đến địa phương, từ NHNN đến các TCTD để triển khai có hiệu quả các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh đối với nền kinh tế.

1. Điều hành CSTT

Điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, chủ động ứng phó đại dịch Covid-19

Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, diễn biến thị trường tiền tệ và tình hình vốn khả dụng của TCTD, NHNN điều hành chủ động, linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa nhằm điều tiết tiền tệ hợp lý, đảm bảo thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường tiền tệ, chủ động ứng phó đại dịch Covid-19. Theo đó, trong điều kiện vốn khả dụng hệ thống dư thừa và áp lực lạm phát những tháng đầu năm 2020, NHNN đã chào bán tín phiếu NHNN kỳ hạn 3 tháng với khối

“

Điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT để kiểm soát lạm phát, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ đặc

lực nền kinh tế ứng phó với tác động bất lợi của đại dịch Covid-19; đồng thời bảo đảm thanh khoản hệ thống, duy trì thị trường tiền tệ ổn định.

lượng và lãi suất phù hợp nhằm chủ động kiểm soát tiền tệ, góp phần kiểm soát lạm phát, duy trì vốn khả dụng hệ thống ở mức hợp lý. Từ giữa tháng 3/2020, để chủ động ứng phó với diễn biến tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, NHNN tạm dừng phát hành tín phiếu NHNN; đồng thời thực hiện chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở với khối lượng, kỳ hạn và lãi suất phù hợp (kỳ hạn chủ yếu 7 ngày, lãi suất giảm dần 4%-3,5%-3%-2,5%/năm, phương thức đấu thầu khối lượng, công bố khối lượng và lãi suất), qua đó hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, ổn định thị trường tiền tệ, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành

Trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ trong và ngoài nước, thực hiện chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, NHNN điều chỉnh giảm đồng bộ 03 lần các mức lãi suất¹¹ để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và nền kinh tế trước tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Trong đó, điều chỉnh giảm 1,5-2,0%/năm các mức lãi suất điều hành để sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp hơn; giảm 0,6-1,0%/năm lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1,5%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực, ngành kinh tế để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp, người dân.

Giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc VND và ngoại tệ

Tỷ lệ DTBB đối với tiền gửi VND được duy trì ở mức 3% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 1% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ DTBB được duy trì ở mức 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn

¹¹ Cụ thể: (1) Ngày 17/3/2020, NHNN giảm 0,5-1%/năm lãi suất điều hành; giảm 0,25-0,3%/năm trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 0,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với một số ngành, lĩnh vực. (2) Ngày 13/5/2020, NHNN tiếp tục điều chỉnh giảm 0,5%/năm các mức lãi suất điều hành; giảm 0,3-0,5%/năm trần lãi suất tiền gửi VND các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 0,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với một số ngành, lĩnh vực. (3) Ngày 01/10/2020, NHNN tiếp tục giảm đồng bộ 0,5%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 0,25%/năm trần lãi suất tiền gửi VND từ 1 tháng đến dưới 6 tháng và giảm 0,5% trần lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với một số ngành, lĩnh vực.

dưới 12 tháng, 6% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên và 1% đối với tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài.

Tiếp tục tái cấp vốn phù hợp với mục tiêu điều hành CSTT và chủ trương của Chính phủ

Công cụ tái cấp vốn được điều hành phù hợp với mục tiêu điều hành CSTT và chủ trương của Chính phủ. NHNN tiếp tục giải ngân tái cấp vốn hỗ trợ các chương trình được Chính phủ phê duyệt. Đồng thời, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 tác động đến nhiều mặt kinh tế - xã hội, NHNN giải ngân tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc đối với người lao động theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg ngày 19/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp, giữ ổn định thị trường ngoại tệ

Năm 2020, NHNN điều hành tỷ giá và thị trường ngoại tệ phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, diễn biến thị trường và mục tiêu CSTT, cụ thể: **(1)** Tiếp tục thực hiện công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT; **(2)** Trong những giai đoạn nguồn cung ngoại tệ dồi dào, NHNN chủ động, linh hoạt mua ngoại tệ từ các TCTD giúp chuyển hoá thành VND để hỗ trợ phát triển kinh tế, đảm bảo hoạt động thông suốt của thị trường ngoại tệ; đồng thời, củng cố DTNHNN, tăng cường an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia, cải thiện mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh dịch bệnh Covid -19 ảnh hưởng tiêu cực đối với nền kinh tế; **(3)** Trong giai đoạn VND chịu áp lực giảm giá do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp (tháng 3/2020), NHNN đã điều chỉnh tỷ giá bán ngoại tệ và tích cực truyền thông ổn định thị trường ngoại tệ. Nhờ đó, tỷ giá nhanh chóng ổn định mà NHNN không phải bán ngoại tệ can thiệp thị trường; **(4)** Kết hợp đồng bộ

và linh hoạt các giải pháp, công cụ khác (điều tiết thanh khoản, lãi suất VND...).

Điều hành linh hoạt tăng trưởng tín dụng, đi đôi với an toàn, nâng cao hiệu quả, chất lượng tín dụng; chỉ đạo, triển khai kịp thời, quyết liệt các giải pháp hỗ trợ khách hàng khắc phục khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và thiên tai, biến đổi khí hậu

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2020 khoảng 6,8% và lạm phát dưới 4% được Quốc hội và Chính phủ đề ra, NHNN xây dựng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng năm 2020 khoảng 14%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế. Theo đó, NHNN triển khai các biện pháp kiểm soát quy mô, tăng trưởng tín dụng theo chỉ tiêu định hướng năm 2020 gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế của Chính phủ và kiểm soát lạm phát, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tăng cường kiểm soát rủi ro đối với tín dụng tiêu dùng, cho vay phục vụ đời sống; tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, cải thiện quy trình, thủ tục cho vay, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần đẩy lùi tín dụng đen.

Bên cạnh đó, để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế trong bối cảnh chịu tác động tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 và ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, song song với định hướng giảm lãi suất cho vay đối với nền kinh tế, NHNN kịp thời ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 tạo hành lang pháp lý, cơ chế đột phá để TCTD tháo gỡ khó khăn về vốn vay cho khách hàng (cơ cấu lại nợ gốc và lãi, không chuyển nhóm nợ, không tính lãi phạt; miễn giảm lãi, phí); ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 chỉ đạo TCTD điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận phù hợp để chia sẻ khó khăn, hỗ trợ khách hàng; đồng thời liên tục tổ chức các Hội nghị kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp trên toàn quốc, khảo sát thực địa, tiếp nhận và giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của người dân, doanh nghiệp.



2. Quản lý ngoại hối

Tăng cường công tác xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng

Năm 2020, NHNN ban hành 03 thông tư để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngoại hối và đổi mới hệ thống văn bản QPPL phù hợp với các điều kiện thực tế, góp phần tạo hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền tiếp cận các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này cho tổ chức, cá nhân.

Năm 2020, mặc dù có thời điểm giá vàng trong nước tăng cao theo giá vàng quốc tế nhưng thị trường vàng trong nước diễn biến ổn định, sức hấp dẫn của vàng miếng tiếp tục suy giảm, không xuất hiện các cơn “sốt vàng” như giai đoạn trước khi Nghị định số 24/2012/NĐ-CP được ban hành. NHNN tiếp tục không phải sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu vàng can thiệp thị trường. Tình trạng vàng hóa nền kinh tế tiếp tục được hạn chế, một phần nguồn vốn bằng vàng được chuyển hóa thành tiền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Quản lý các giao dịch vãng lai

Công tác quản lý giao dịch vãng lai tiếp tục được thực hiện theo hướng tự do hóa phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời NHNN tiếp tục triển khai các chính sách hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước nhằm thực hiện chủ trương hạn chế, tiến tới chấm dứt tình trạng đô-la hóa, tăng niềm tin của người dân vào VND. Chính sách thu hút kiều hối tiếp tục thông thoáng, phù hợp với xu thế hội nhập, nhằm khuyến khích và tạo thuận lợi cho dòng kiều hối, góp phần phát triển kinh tế trong nước, bù đắp cán cân thanh toán của Việt Nam, tăng DTNHNN. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục triển khai các giải pháp thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng thông thoáng thông qua các chính sách quản lý thu đổi ngoại tệ, chính sách kiều hối, chính sách mua, bán ngoại tệ tiền mặt của các TCTD được phép với cá nhân, quy định kết hối, chính sách quản lý thanh toán biên mậu...



Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý ngoại hối và thị trường vàng; các công tác quản lý giao dịch vãng lai, giao dịch vốn, quản lý DTNHNN, quản lý thị trường vàng tiếp tục được thực hiện hiệu quả.

Quản lý các giao dịch vốn

Công tác quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư nước ngoài được thực hiện theo hướng tạo thuận lợi thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế; quản lý dòng vốn đầu tư trực tiếp/gián tiếp ra nước ngoài chặt chẽ, thận trọng, vừa hỗ trợ nhà đầu tư trong nước tranh thủ cơ hội đầu tư ra nước ngoài, song vẫn đảm bảo giám sát chặt chẽ dòng vốn ra, ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển kinh tế trong nước.

Bên cạnh đó, NHNN tập trung hoàn thiện công tác quản lý hoạt động vay và cho vay nước ngoài của doanh nghiệp: (1) Đối với hoạt động vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, NHNN chủ trương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, triển khai sửa đổi các văn bản QPPL liên quan nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn nước ngoài, đồng thời đảm bảo công tác quản lý, giám sát dòng vốn của NHNN. (2) Đối với việc xây dựng quy định về hoạt động cho vay ra nước ngoài của tổ chức kinh tế, NHNN đã triển khai xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình thẩm định, phê duyệt cho vay ra nước ngoài, bảo lãnh cho người không cư trú của tổ chức kinh tế không gắn với dự án đầu tư ra nước ngoài, xin ý kiến các bộ, ngành và dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian tới.

Quản lý Dự trữ ngoại hối Nhà nước

NHNN tiếp tục thực hiện mục tiêu củng cố DTNHNN thông qua điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT; thực hiện các giải pháp ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ phù hợp với mục tiêu điều hành kinh tế vĩ mô và CSTT. Nhờ đó, NHNN mua được ngoại tệ bổ sung DTNHNN, đưa quy mô DTNHNN lên mức kỷ lục.

3. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Công tác thanh tra, giám sát

Công tác thanh tra tiếp tục thực hiện theo hướng thanh tra pháp nhân, gắn kết chặt chẽ với công tác giám sát, từng bước kết hợp và áp dụng phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro, hướng tới ngăn chặn, cảnh báo sớm rủi



NHNN tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng

ro có khả năng phát sinh. Năm 2020, NHNN đã thực hiện 1.165 cuộc thanh tra, kiểm tra; đưa ra 7.965 kiến nghị, yêu cầu TCTD khắc phục tồn tại, vi phạm; ban hành 293 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với TCTD và doanh nghiệp, cá nhân với tổng số tiền phạt 23 tỷ đồng.

Công tác giám sát tiếp tục tập trung đánh giá, cảnh báo rủi ro trong hoạt động của TCTD, tăng cường giám sát các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Đồng thời, NHNN chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, tạo điều kiện cho TCTD phát triển hoạt động kinh doanh phù hợp với xu hướng ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng; trên cơ sở đó, NHNN thường xuyên rà soát các hoạt động kinh doanh của TCTD như cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cấp tín dụng hợp vốn, cung ứng dịch vụ thanh toán, cho thuê tài chính..., đặc biệt là các hoạt động trực tuyến, ứng dụng công nghệ số để kịp thời đánh giá tác động đến an toàn hệ thống của TCTD, từ đó có các giải pháp, chính sách phù hợp.

Trên cơ sở kết quả giám sát, NHNN đã ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh/đại lý bảo hiểm; chấp hành quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn; đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội; cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, bất động sản; chấn chỉnh hoạt động cho vay tiêu dùng của các công ty tài chính; bảo đảm an toàn trong hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán; cảnh báo về hoạt động cho vay ngang hàng, các website có dấu hiệu vi phạm pháp luật về đánh bạc, cá độ trực tuyến,...

Công tác quản lý cấp phép

Năm 2020, bên cạnh việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ cấp phép thành lập mới TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công tác quản lý cấp phép liên quan đến phát triển mạng lưới, phạm vi hoạt động, nhân sự, vốn điều lệ... đối với các tổ chức này được NHNN thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo sự ổn định của hệ thống các TCTD. Theo đó, NHNN đã chấp thuận cho các TCTD thành lập thêm chi nhánh, phòng giao dịch;

bộ các giải pháp về công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; các giải pháp về cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu; đẩy mạnh triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II.

tăng vốn điều lệ; thay đổi nhân sự cấp cao; thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính; mua bán, chuyển nhượng cổ phần; sửa đổi, bổ sung giấy phép; thu hồi giấy phép đối với 1 TCTD, chấp thuận kết thúc thanh lý và chấp thuận giải thể đối với 2 chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Với vai trò là Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền và Ban Chỉ đạo phòng, chống khủng bố ngành Ngân hàng, NHNN phối hợp với các bộ, ngành tích cực triển khai các nhiệm vụ phục vụ cho đợt đánh giá đa phương của APG đối với cơ chế phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố của Việt Nam. Trong đó, tập trung giải trình, phản hồi những đánh giá, khuyến nghị của APG về công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố tại Việt Nam; đồng thời, tiến hành nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống rửa tiền để tăng cường vai trò công tác phòng, chống rửa tiền trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, NHNN cũng tập trung thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin giao dịch đáng ngờ và cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền;¹² đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, góp phần phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh tài chính - tiền tệ quốc gia và an toàn của hệ thống ngân hàng.

Tình hình triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 (Đề án 1058) và triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu

Bám sát mục tiêu, định hướng nêu tại Đề án 1058 và Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội, NHNN tiếp

¹² Năm 2020, NHNN tiếp nhận 1.811 báo cáo giao dịch đáng ngờ, xử lý 1.404 báo cáo; chuyển giao thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền 94 vụ việc liên quan đến 886 báo cáo; rà soát, cung cấp thông tin 194/194 văn bản/vụ việc liên quan đến bị can, bị cáo hoặc đối tượng trong các vụ án theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền trong nước; xử lý 12/13 văn bản yêu cầu cung cấp thông tin từ Đơn vị tình báo tài chính (FIU) nước ngoài.

tục chỉ đạo các TCTD tập trung triển khai, tăng cường giám sát chặt chẽ việc tổ chức thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt và theo dõi, kiểm tra kết quả xử lý nợ xấu cũng như kiểm soát chất lượng tín dụng để kịp thời cảnh báo, chấn chỉnh và hỗ trợ các TCTD tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh. Bên cạnh đó, NHNN cũng triển khai quyết liệt các giải pháp tăng cường củng cố hệ thống QTDND, xử lý QTDND yếu kém và tiếp tục hoàn thiện các quy định về tổ chức tài chính vi mô để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện cho các chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động lành mạnh, hiệu quả. Nhờ đó, hoạt động của hệ thống TCTD tiếp tục được duy trì an toàn, ổn định. Quy mô hệ thống TCTD tiếp tục tăng trưởng bền vững, năng lực tài chính của TCTD được củng cố, vốn điều lệ tăng dần qua các năm, tỷ lệ nợ xấu nội bảng được kiểm soát dưới 2%, TCTD nâng cao nhận thức và chú trọng hơn trong quản trị rủi ro, tăng cường minh bạch thông tin hoạt động theo quy định của pháp luật.

Triển khai thực hiện, đảm bảo an toàn hiệu quả hoạt động theo chuẩn mực quốc tế Basel II

Trên cơ sở Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018, đến nay, hầu hết các TCTD đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN (chuẩn mực vốn Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn), còn một số TCTD đề nghị được áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN.¹³ Đến ngày 31/12/2020, có 78/96 NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN. Đặc biệt, để hỗ trợ nền kinh tế khắc phục khó khăn do tác động của dịch Covid-19, NHNN đã ban hành Thông tư số 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 22/2019/TT-NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; theo đó, lùi 01 năm lộ trình áp dụng tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn được

¹³ Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 tạo cơ sở pháp lý để một số TCTD đang gặp khó khăn về tài chính, cơ cấu lại danh mục tài sản chưa thực hiện được tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN kể từ ngày 01/01/2020 xây dựng lộ trình phù hợp (không quá 03 năm) để thực hiện Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.

sử dụng để cho vay trung và dài hạn, tạo điều kiện cho TCTD tiếp tục cho vay trung - dài hạn nền kinh tế.

4. Hoạt động giám sát an toàn vĩ mô hệ thống tài chính



NHNN tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống, từng bước hoàn thiện khuôn khổ chính sách an toàn vĩ mô tạo cơ sở pháp lý giúp ngăn ngừa rủi ro hệ thống, giảm thiểu tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

NHNN tiếp tục triển khai Quy chế giám sát rủi ro hệ thống (theo Quyết định số 2563/QĐ-NHNN ngày 31/12/2016). Năm 2020, NHNN tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu để phân tích, đánh giá ổn định tài chính; thực hiện khảo sát rủi ro hệ thống tài chính; hoàn thiện quy trình giám sát rủi ro hệ thống tài chính; nghiên cứu xác định chu kỳ tài chính; kiểm tra sức chịu đựng của hệ thống ngân hàng trước các cú sốc bên ngoài, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19; xây dựng Bộ chỉ số đánh giá an toàn ổn định thị trường tiền tệ tài chính và Sổ tay hướng dẫn để chuẩn hóa công tác phân tích, đánh giá ổn định tài chính; theo dõi, đánh giá hiện trạng công nghệ giám sát tài chính (SupTech) và nghiên cứu công nghệ phục vụ tuân thủ của TCTD (RegTech).

5. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật



Công tác xây dựng và thực thi pháp luật tiếp tục được đẩy mạnh nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tiền tệ - ngân hàng, góp phần tăng cường hiệu quả quản lý của nhà nước, nâng cao tính minh bạch, thống nhất của hệ thống pháp luật về ngân hàng.

Năm 2020, NHNN tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế cho hoạt động ngân hàng, theo đó đã xây dựng, ban hành 26 thông tư, tạo cơ sở pháp lý cho việc: (1) Triển khai các chính sách hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; (2) Hoàn thiện các quy định về tổ chức, hoạt động của TCTD; (3) Tiếp tục hoàn thiện các quy định về thanh toán để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; (4) Sửa đổi, bổ sung các quy định trong lĩnh vực kho quỹ, tài chính kế toán, quản lý ngoại hối... để phù hợp với thực tiễn triển khai các hoạt động tại NHNN.

Các văn bản QPPL được ban hành trong năm 2020 góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động tiền tệ và ngân hàng, tạo lập khuôn khổ pháp lý quan trọng cho NHNN điều hành CSTT, bảo đảm an toàn hoạt động, thúc đẩy quá trình cơ cấu lại và lành mạnh hóa hệ thống TCTD.



Tăng cường thực thi pháp luật ngân hàng

Để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về ngân hàng, NHNN đã tập trung triển khai: (1) Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới được ban hành trong toàn hệ thống ngân hàng; (2) Rà soát các văn bản QPPL và công bố 53 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 72 văn bản hết hiệu lực toàn phần; Triển khai hiệu quả nhiệm vụ rà soát theo Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ; (3) Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL (trong đó tự kiểm tra 39 văn bản, kiểm tra theo thẩm quyền 28 văn bản do các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân gửi đến để kiểm tra); (4) Nghiên cứu, có ý kiến đối với việc ký kết, phê duyệt các điều ước quốc tế liên quan đến lĩnh vực ngân hàng như EVIPA, Hiệp định về hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA)...; Rà soát chính sách thương mại trong khuôn khổ WTO; Tham gia ý kiến trong việc giải quyết tranh chấp nước ngoài liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của NHNN; (5) Thường xuyên cập nhật, theo dõi thi hành đối với các văn bản QPPL mới được ban hành (05 luật, 15 nghị định; 02 quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 02 chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ); tổng kết thực tiễn thi hành 03 luật, 02 pháp lệnh, 01 nghị định; theo dõi thi hành pháp luật theo chuyên đề để đề xuất, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản mới theo thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu quản lý, qua đó nâng cao tính thống nhất, minh bạch của hệ thống pháp luật ngân hàng.

6. Công tác phát hành kho quỹ

Về hoạt động phát hành và điều hòa tiền mặt

Năm 2020, công tác cung ứng và điều hòa tiền mặt của NHNN được thực hiện trên cơ sở dự báo nhu cầu tiền mặt của nền kinh tế và diễn biến tình hình dự trữ tiền mặt của NHNN tại chi nhánh tỉnh, thành phố nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiền mặt cho địa phương cả về giá trị và cơ cấu mệnh giá. Vào thời điểm cuối năm và giáp Tết Nguyên đán, NHNN sớm xây dựng phương án điều hòa tiền mặt; tập trung tối đa nguồn lực triển khai công tác điều chuyển,



Triển khai hiệu quả công tác phát hành kho quỹ, đảm bảo an toàn hệ thống, an ninh tiền tệ.

giao nhận nhằm nâng cao mức dự trữ, dự phòng cho các đơn vị, kịp thời ứng phó với nhu cầu tiền mặt tăng đột biến. Tại địa phương, công tác cung ứng tiền mặt cho TCTD, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn được NHNN chỉ nhánh thực hiện tốt, không để xảy ra tình trạng khát, hoãn chi tiền mặt với yêu cầu khách hàng; phục vụ kịp thời nhu cầu tiền mặt cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng tiền trong lưu thông, NHNN cũng tập trung nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông áp dụng cho máy phân loại tiền giúp hiện đại hóa công tác tuyển chọn, phân loại tiền của hệ thống ngân hàng.

Công tác an toàn kho quỹ

Trong năm 2020, NHNN tổ chức 02 hội nghị trực tuyến về công tác an toàn kho quỹ và công tác tiền mặt; đồng thời, tiếp tục thực hiện rà soát, bổ sung một số nội dung hướng dẫn nghiệp vụ kho quỹ nhằm cụ thể hóa quy trình nghiệp vụ, đảm bảo nguyên tắc luôn có sự kiểm tra, giám sát; kiểm tra công tác an toàn kho quỹ trong toàn ngành Ngân hàng nhằm khắc phục tồn tại, thiếu sót tại đơn vị, đảm bảo an toàn tuyệt đối tiền mặt, tài sản quỹ, giấy tờ có giá do đơn vị quản lý và bảo quản.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam

NHNN kịp thời phân tích, giám định và thông tin, cảnh báo kịp thời các loại tiền giả mới xuất hiện trong hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước; chủ động theo dõi, nắm tình hình thu giữ tiền giả trong hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước. Bên cạnh đó, NHNN tập huấn nghiệp vụ kỹ năng phân biệt tiền thật/tiền giả cho hơn 400 cán bộ kiểm ngân, thủ quỹ và giao dịch viên của các TCTD, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp phòng, chống tiền giả và bảo vệ tiền Việt Nam.

7. Hoạt động thanh toán và chuyển đổi số

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

Hành lang pháp lý trong lĩnh vực TTKDTM tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện; cơ sở hạ tầng và công nghệ thanh toán được chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng



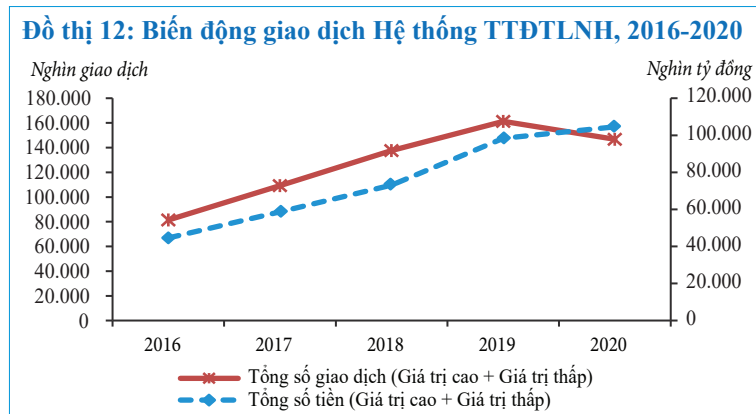
Hệ thống thanh toán tiếp tục được

và phát huy hiệu quả, đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống; phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu thanh toán của nền kinh tế, đặc biệt trong điều kiện dịch bệnh khiến nhu cầu TTKDTM tăng trưởng mạnh.

Trong năm 2020, có trên 79 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet, 45 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động. Số lượng giao dịch qua Internet là hơn 475,5 triệu giao dịch, với giá trị khoảng 27,7 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 13,3% và 24,8% so với năm 2019); số lượng giao dịch qua điện thoại di động là hơn 1.183,3 triệu giao dịch, với giá trị gần 12,6 triệu tỷ đồng (tương ứng tăng 114,2% và 118,4% so với năm 2019). Trong năm 2020, có khoảng 20 NHTM triển khai dịch vụ thanh toán QR Code; số lượng giao dịch qua QR Code đạt khoảng 16,2 triệu giao dịch, với giá trị gần 9,6 nghìn tỷ đồng.

Bên cạnh đó, với sự góp mặt của 39 tổ chức không phải là NHTM được NHNN cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã góp phần đa dạng hóa và gia tăng tiện ích, tiện lợi trong cung ứng dịch vụ, mở rộng phạm vi phục vụ khách hàng, tối ưu hóa chi phí đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin nhằm phát triển TTKDTM theo định hướng của Chính phủ và NHNN. Trong năm 2020, số lượng giao dịch thanh toán nội địa qua thẻ ngân hàng đạt trên 399,4 triệu giao dịch với giá trị là 871,6 nghìn tỷ đồng (tương ứng tăng 22,1% và 9,1% so với năm 2019). Các NHTM tích hợp thêm nhiều tính năng vào thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ song song với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, an toàn thanh toán thẻ; công tác chuyển đổi thẻ từ sang thẻ chip được triển khai tích cực, đảm bảo bảo vệ quyền lợi khách hàng.

hiện đại hóa, hoạt động ổn định, an toàn, tiện lợi, bảo mật, phục vụ hiệu quả nhu cầu thanh toán của nền kinh tế.



Nguồn: NHNN

Hệ thống TTĐTLNH năm 2020 hoạt động ổn định; quy mô, số lượng giao dịch và giá trị giao dịch ngày càng tăng, đáp ứng nhu cầu thanh toán, chuyển tiền, thúc đẩy hoạt động thanh toán nhanh chóng, thuận tiện, chính xác, an toàn và bảo mật. Đến cuối năm 2020, hệ thống TTĐTLNH kết nối với 300 đơn vị thành viên thuộc 101 thành viên tham gia hệ thống, bao gồm: Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam (Napas), 64 đơn vị thành viên thuộc Kho bạc Nhà nước, 64 đơn vị thành viên là các đơn vị trực thuộc NHNN và 172 đơn vị thành viên thuộc 98 TCTD thành viên. Tổng số lượng giao dịch qua Hệ thống TTĐTLNH trong năm 2020 đạt 146.800 nghìn giao dịch với giá trị 104.559 nghìn tỷ đồng (tăng 6,26% về giá trị giao dịch so với năm 2019).

NHNN cũng chỉ đạo toàn ngành Ngân hàng tích cực triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy TTKDTM trong lĩnh vực công, tích hợp chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Đến cuối năm 2020, có khoảng 50 NHTM thỏa thuận phối hợp thu thuế điện tử với cơ quan thuế, hải quan trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố và các quận, huyện trên cả nước, trong đó hơn 20 NHTM đã hoàn thành việc triển khai nộp thuế điện tử và thông quan 24/7; 99% doanh nghiệp đăng ký nộp thuế điện tử và 95% số thu Hải quan thực hiện qua ngân hàng; 27 NHTM và 10 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp thu tiền điện, doanh thu tiền điện của EVN thanh toán qua ngân hàng lên tới gần 90%; 30 bệnh viện đã kết nối triển khai thanh toán viện phí điện tử, một số bệnh viện đã đạt 35% số lượng giao dịch thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

Chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng

NHNN đã xây dựng, ban hành Kế hoạch hành động triển khai việc chủ động ứng dụng khoa học - công nghệ thích ứng với cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam nhằm thúc đẩy Chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng.

Trong năm 2020, 95% NHTM đã và đang xây dựng hoặc có kế hoạch xây dựng chiến lược chuyển đổi số, trong đó 38% NHTM đã phê duyệt chiến lược chuyển đổi số hoặc tích hợp trong chiến lược phát triển kinh doanh/



công nghệ thông tin; 42% NHTM đang xây dựng chiến lược chuyển đổi số. Hầu hết các NHTM đều ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ mới trong hoạt động và cung ứng dịch vụ, trong đó có 9/19 nghiệp vụ đã được số hóa hoàn toàn (gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng, ví điện tử, chuyển tiền, quản lý nhân sự, kế toán - tài chính,...). Ngoài ra, các giải pháp kỹ thuật, công nghệ mới như điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn, tự động hóa quy trình bằng robot, trí tuệ nhân tạo, Blockchain, nhận biết và định danh khách hàng bằng phương thức điện tử (eKYC),... được các NHTM ứng dụng mạnh mẽ trong các hoạt động nghiệp vụ và cung ứng sản phẩm, dịch vụ. Bên cạnh đó, việc hợp tác giữa NHTM và các công ty Fintech thời gian qua đã góp phần mở rộng hệ sinh thái số, đem lại trải nghiệm và nhiều lợi ích thiết thực cho khách hàng. Nhiều NHTM đã xây dựng kho dữ liệu, hạ tầng số tập trung, chuẩn hóa, cho phép chia sẻ, tích hợp tạo hệ sinh thái số trên nhiều ngành, lĩnh vực như hệ sinh thái mobile banking kết nối với dịch vụ công, tài chính, viễn thông, điện lực, giao thông, y tế, mua sắm hàng hóa, dịch vụ trực tuyến,...

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được rà soát, bổ sung, hoàn thiện tạo sự đồng bộ và thuận lợi để khuyến khích phát triển TTKDTM, ứng dụng công nghệ mới và chuyển đổi số hoạt động ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn về thanh toán. Theo đó, NHNN tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp lý về việc mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử (eKYC); quy định về điều chỉnh phí dịch vụ thanh toán; quy định về thẻ ngân hàng...; nghiên cứu, đề xuất thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ giá trị nhỏ (Mobile-Money), Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động Công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng, thanh toán xuyên biên giới, đại lý thanh toán.

Công tác giám sát hệ thống thanh toán tiếp tục được đổi mới và tăng cường trên cơ sở tiếp tục triển khai Chiến lược giám sát các hệ thống thanh toán tại Việt Nam giai

đoạn 2014-2020. Theo đó, thực hiện giám sát trực tuyến hàng ngày đối với hệ thống TTĐTLNH; giám sát định kỳ đối với hoạt động của hệ thống thanh toán ngoại tệ và Hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán, hệ thống chuyển mạch thanh toán thẻ, ATM, POS; đồng thời tăng cường giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả hoạt động hệ thống thanh toán.

8. Hoạt động thông tin tín dụng

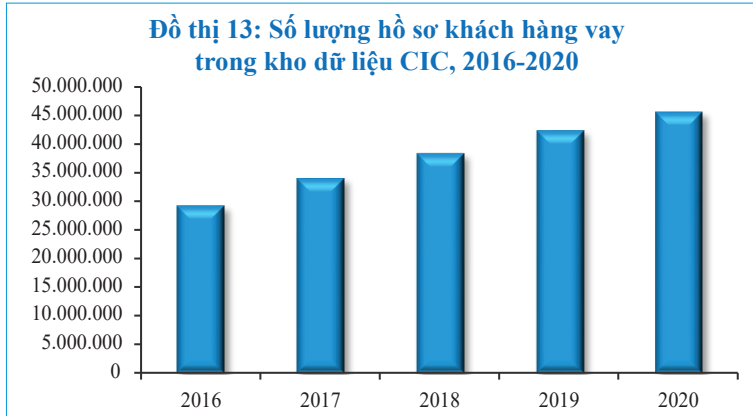
Hoạt động thông tin tín dụng tiếp tục được duy trì ổn định, đóng góp tích cực vào việc thực hiện kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng, cải thiện chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam, khẳng định vị thế, vai trò, tầm quan trọng của thông tin tín dụng đối với cơ sở hạ tầng tài chính Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Xây dựng kho dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

CIC tiếp tục mở rộng kho dữ liệu và nâng cao chất lượng, độ bao phủ thông tin tín dụng, duy trì ổn định nguồn cung cấp dữ liệu truyền thống từ tất cả các TCTD trong ngành, mở rộng các nguồn dữ liệu thay thế từ các tổ chức ngoài ngành, các công ty bán lẻ. Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh “*Doing Business*” do Ngân hàng thế giới thực hiện trong những năm gần đây, trong đó chỉ số chiều sâu thông tin tín dụng của Việt Nam đã có sự tăng trưởng ấn tượng từ 5/8 điểm năm 2015 lên điểm tối đa 8/8 năm 2020; độ phủ thông tin tín dụng tăng từ 41,8% năm 2015 lên 59,6% năm 2020, cao hơn mức trung bình của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và các nước có thu nhập cao OECD. Năm 2020, độ phủ thông tin tín dụng tiếp tục được cải thiện so với năm 2019, nâng tổng số chủ thể thông tin trong kho dữ liệu lên trên 45,6 triệu (trên 1,3 triệu pháp nhân và gần 44,3 triệu thể nhân), vượt trên 30% so với mục tiêu đặt ra tại Đề án phát triển giai đoạn 2015-2020.



Hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin và đảm bảo an toàn của hệ thống.



Nguồn: NHNN

Cung cấp thông tin tín dụng

CIC cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của NHNN, hỗ trợ công tác tham mưu, thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng của các đơn vị chức năng, cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng với chất lượng cao (gồm trên 40 triệu báo cáo tín dụng và các sản phẩm giá trị gia tăng như xếp hạng tín dụng, chấm điểm tín dụng; các gói thông tin, dữ liệu cho các TCTD nhằm phục vụ mục đích quản trị rủi ro, tuân thủ Basel II).

Đối với mô hình xếp hạng tín dụng doanh nghiệp, CIC thực hiện đánh giá kiểm định thường xuyên nhằm duy trì chất lượng, xếp hạng định kỳ trên 1 triệu khách hàng pháp nhân. Năm 2020, CIC đã hoàn thiện mô hình chấm điểm tín dụng thể nhân mới 2.0 theo tiêu chuẩn quốc tế, thực hiện chấm điểm tín dụng hơn 44 triệu khách hàng thể nhân trong kho dữ liệu. Các mô hình mới của CIC đã góp phần tích cực vào việc cải thiện, minh bạch hóa thông tin tín dụng và tạo điều kiện để khách hàng vay được tiếp cận tín dụng bình đẳng trên thị trường.



Nguồn: NHNN

Trong bối cảnh triển khai Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020, CIC có văn bản hướng dẫn kịp thời các TCTD báo cáo thông tin khách hàng theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, trên cơ sở đó cập nhật thông tin của trên 284.000 khách hàng thuộc diện điều chỉnh theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN, qua đó, kịp thời sử dụng các thông tin này trong hoạt động xếp hạng, chấm điểm tín dụng khách hàng, đảm bảo quyền lợi và tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận tín dụng.

Nhằm hỗ trợ TCTD giảm chi phí hoạt động, góp phần giảm lãi suất cho vay, tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, chia sẻ khó khăn cho khách hàng bị tác động bởi đại dịch Covid-19, CIC đã 02 lần giảm giá sản phẩm, dịch vụ; cung cấp miễn phí thông tin cho NHCSXH nhằm hỗ trợ chương trình cho vay để trả lương ngừng việc cho người lao động do tác động bởi dịch Covid-19 với tổng số tiền giảm cho TCTD khoảng 200 tỷ đồng.

Áp dụng công nghệ mới trong hoạt động nghiệp vụ

Năm 2020, CIC triển khai mở rộng thành công kênh cung cấp thông tin mới Host to Host (kết nối theo chuẩn API - hay còn gọi là giao diện kết nối chung cho một ứng dụng) với các TCTD. Giao diện kết nối này cho phép trao đổi thông tin giữa TCTD và CIC nhanh chóng, thuận tiện, giảm thiểu sự can thiệp của con người vào quá trình khai thác, sử dụng thông tin, góp phần tăng tính bảo mật, an toàn và nâng cao hiệu quả trao đổi thông tin tín dụng. Phương thức kết nối theo chuẩn API nhận được nhiều phản hồi tích cực của TCTD và các đơn vị sử dụng dịch vụ khác, dự kiến trở thành xu hướng chính trong việc truyền tải thông tin tín dụng trong thời gian tới.

“

Công tác thông tin, truyền thông tiếp tục đạt được kết quả quan trọng, tạo niềm tin của doanh nghiệp và

9. Hoạt động truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Hoạt động truyền thông của NHNN tiếp tục tập trung vào tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Chính phủ, điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, giải đáp kịp thời các vấn đề báo chí, dư luận quan tâm, góp phần nâng cao niềm tin công chúng; đảm bảo minh bạch hóa thông tin theo đúng quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế; tổ chức thực hiện tốt

quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin của NHNN; tăng cường quản lý nhà nước về truyền thông trong hệ thống ngân hàng. Nhằm thực thi chính sách thông suốt, hiệu quả, đi vào cuộc sống, NHNN chú trọng truyền thông trước, trong và sau đối với các cơ chế, chính sách mới, phương thức truyền thông thường xuyên được đổi mới, đa dạng. Cổng thông tin điện tử NHNN liên tục được cải tiến, đổi mới và thực sự trở thành cầu nối thông tin giữa NHNN với công chúng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác truyền thông về hoạt động tiền tệ - ngân hàng trong tình hình mới.

Đáng chú ý, để thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia và các đề án của Chính phủ như: Đề án về thúc đẩy TTKDTM, Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế; Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công, NHNN chủ động, tích cực triển khai các chương trình truyền thông giáo dục như “*Tiền khéo, tiền khôn*”, “*Những đứa trẻ thông thái*”, “*Đồng tiền thông thái*”, “*Hiểu đúng về tiền*”... được công chúng đón nhận tích cực, tạo sự lan tỏa trong xã hội.

người dân đối với điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng, góp phần tích cực vào kết quả chung của toàn ngành.

Phần III - Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ



Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tiếp tục tập trung vào những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, an toàn, hiệu quả của NHNN.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN, NHNN ban hành Thông tư số 06/2020/TT-NHNN ngày 30/6/2020 quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN (thay thế Thông tư số 16/2011/TT-NHNN ngày 17/8/2011). Năm 2020, NHNN kiểm toán nội bộ tại 27 đơn vị thuộc NHNN, ban hành 56 báo cáo kiểm toán nội bộ các chuyên đề; tập trung đánh giá tính tuân thủ pháp luật, cơ chế, chính sách của ngành; tính đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán, chú trọng vào những nội dung tiềm ẩn rủi ro (an toàn, an ninh hệ thống thông tin, công tác quản lý, thanh tra, giám sát các TCTD, đặc biệt là đối với hoạt động của QTDND, công tác quản lý an toàn tài sản kho quỹ; công tác quản lý tài chính, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản...). Ngoài ra, NHNN tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Hoạt động kiểm toán nội bộ giúp các đơn vị chấn chỉnh các tồn tại, thiếu sót trong hoạt động; rà soát hoàn thiện quy trình, quy chế nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, điều hành; đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đảm bảo hoạt động của NHNN an toàn, hiệu quả.



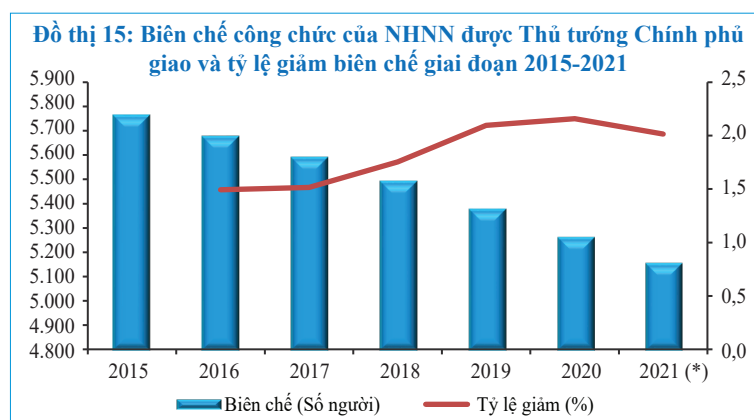
NHNN tiếp tục xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực theo chủ trương của Đảng và Nhà nước; tăng cường chất lượng nhân sự cho các đơn vị của NHNN; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Biên chế, cơ cấu nhân sự và công tác cán bộ

NHNN tiếp tục rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả, trong đó tập trung vào một số nội dung chính như sau: (1) Phê duyệt cơ cấu nhân sự Hội đồng quản lý của CIC; (2) Tiếp tục tích cực phối hợp với Bộ Nội vụ để xây dựng, hoàn thiện dự thảo Danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành của NHNN gửi Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ; (3) Triển khai rà soát, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc phù hợp với các quy định hiện hành về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và biên chế công chức, viên chức.

Về công tác quản lý biên chế, trong năm 2020, NHNN phê duyệt phương án giao số lượng người làm việc và hợp đồng lao động cho các đơn vị sự nghiệp của NHNN; giao biên chế đối với đơn vị Vụ, Cục và Cơ quan tại NHTW và 63 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố tùy theo khối lượng và mức độ phức tạp của công việc. NHNN chủ động cân đối quản lý biên chế tiết kiệm, nghiêm túc quán triệt sử dụng trong phạm vi biên chế được Bộ Nội vụ giao, không xảy ra tình trạng vượt biên chế; đồng thời, xây dựng lộ trình tổng thể, chi tiết từng năm, đảm bảo đến năm 2021 giảm tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015. Diễn biến biên chế công chức của NHNN được giao trong giai đoạn 2015-2019 và dự kiến giai đoạn 2020-2021 như sau:



Nguồn: NHNN

(*) Dự kiến biên chế được giao năm 2021.

Về công tác tuyển dụng công chức, NHNN tập trung nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và phương án tuyển dụng trên cơ sở bám sát Đề án vị trí việc làm của đơn vị, chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng cán bộ tuyển dụng. Đồng thời, để nâng cao hơn nữa tính minh bạch, khách quan trong tuyển dụng, rút ngắn thời gian, chi phí tổ chức thi tuyển và đáp ứng yêu cầu về cải cách hành chính của Chính phủ, năm 2020, NHNN đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi tuyển thông qua hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính tổ chức tại 04 thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh và Cần Thơ; kết quả thi được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của NHNN.

Về công tác sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp

hành Trung ương Đảng khóa XII và căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, năm 2020, NHNN đã ban hành Quy chế đánh giá, phân loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động, người quản lý, người đại diện thuộc NHNN quản lý (Quyết định số 2161/QĐ-NHNN ngày 17/12/2020). Kết quả đánh giá cán bộ hàng năm là cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giải quyết chế độ, chính sách khác đối với cán bộ.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 đảm bảo tiến độ yêu cầu, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và theo đúng nguyên tắc “dựa trên yêu cầu vị trí việc làm”. Các khóa học được thiết kế phù hợp với thực tiễn, tổ chức kịp thời, từ đó nhận được sự ủng hộ và đánh giá cao của học viên và thủ trưởng các đơn vị trong hệ thống NHNN. Đặc biệt, năm 2020, công tác đào tạo, bồi dưỡng của NHNN thích ứng kịp thời trước đại dịch Covid-19 thông qua việc tăng cường hình thức đào tạo trực tuyến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, phát triển các hình thức đào tạo mới như hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, E-learning và lớp học ảo bên cạnh hình thức đào tạo truyền thống. Năm 2020, NHNN tổ chức 131 khóa học (tăng 32% so với năm 2019); tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức là 15.726 lượt học viên (tăng 117% so với năm 2019). Tại các khóa học, có khoảng 90% giảng viên là cán bộ thực tế từ các đơn vị NHNN; chương trình đào tạo, bồi dưỡng được chuẩn hóa với mục tiêu rõ ràng, phù hợp với đối tượng đào tạo, gắn kết chặt chẽ với các khung năng lực, vị trí việc làm và các yêu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành ngân hàng. Đồng thời, NHNN chú trọng trong việc huy động, hợp tác và tranh thủ các nguồn hỗ trợ quốc tế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thông qua các chương trình, dự án hợp tác với IMF, SEACEN, ADB, WB, JICA,...

3. Công tác nghiên cứu khoa học

NHNN chủ trì và triển khai thực hiện 04 đề tài cấp Nhà nước; triển khai nghiên cứu 37 nhiệm vụ cấp bộ; 09 nhiệm vụ cấp cơ sở, tập trung các vấn đề: (1) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho quản lý, điều hành hoạt động



Hoạt động khoa học và công nghệ ngành

ngân hàng; (2) Nghiên cứu các luận cứ khoa học và thực tiễn hỗ trợ cho công tác điều hành CSTT, tín dụng, tỷ giá; (3) Quản trị ngân hàng hiện đại và lành mạnh hóa hệ thống TCTD; (4) Nghiên cứu hỗ trợ mục tiêu nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; (5) Tăng cường các nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại trong quản lý hoạt động và phát triển dịch vụ ngân hàng; (6) Các nội dung nghiên cứu khác hỗ trợ cho hoạt động của hệ thống ngân hàng.

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, NHNN tổ chức 01 hội thảo cấp quốc gia “Quản lý dữ liệu thông minh trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính - iDMBF2020” và 01 hội thảo khoa học cấp Ngành “Bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính - Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam”. Các nội dung thảo luận tại các hội thảo tập trung khai thác những vấn đề mới đặt ra cho ngành, nhìn nhận những điều kiện thực tiễn của Việt Nam để từ đó có giải pháp, kiến nghị, định hướng chiến lược góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành Ngân hàng trong những năm tiếp theo.

4. Công tác thống kê

Để nâng cao chất lượng dữ liệu thống kê, NHNN tập trung đôn đốc, tra soát và hướng dẫn TCTD thực hiện báo cáo thống kê đảm bảo chính xác, kịp thời, đầy đủ phục vụ công tác phân tích, dự báo, điều hành CSTT. Ngoài ra, NHNN đẩy mạnh công tác chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm, đảm bảo tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quá trình thực hiện quy định báo cáo thống kê.

NHNN tiếp tục triển khai các cuộc điều tra thống kê tiền tệ, hoàn thành đúng hạn và đảm bảo chất lượng các cuộc điều tra Kỳ vọng lạm phát định kỳ tháng, Xu hướng kinh doanh định kỳ quý, Xu hướng tín dụng định kỳ 6 tháng/lần đối với các TCTD; thí điểm điều tra Kỳ vọng lạm phát đối với các chuyên gia kinh tế định kỳ quý. Kết quả điều tra thu được phục vụ kịp thời cho công tác phân tích, dự báo, hoạch định, điều hành CSTT và quản lý hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục cập nhật cơ sở thông tin, dữ liệu về kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và quốc tế, góp phần phục vụ công tác phân tích, hoạch định và điều hành CSTT.

ngân hàng tiếp tục bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra cho ngành và có đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho hoạt động của ngành.



Công tác thống kê của NHNN tiếp tục được tăng cường và phát triển, góp phần phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành.

5. Công nghệ thông tin

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin



Tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, phát triển, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của NHNN đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống.

Thực hiện mục tiêu tại Chiến lược phát triển công nghệ thông tin của ngành Ngân hàng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, nhằm hiện đại hóa toàn diện công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ của NHNN trên nền tảng công nghệ thông tin tiên tiến và xây dựng Chính phủ điện tử, năm 2020, NHNN ban hành các văn bản điều chỉnh các hoạt động công nghệ thông tin phù hợp với chiến lược phát triển của ngành và đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của thực tiễn.¹⁴ Bên cạnh đó, NHNN tổ chức 10 đoàn kiểm tra tuân thủ các quy định về công nghệ thông tin tại các TCTD, trung gian thanh toán, chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động trên nền tảng công nghệ thông tin của toàn ngành.

Phát triển, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của NHNN

NHNN hoàn thành nghiên cứu, nâng cấp Hệ thống TTĐTLNH cả về mô hình, cơ chế nghiệp vụ và công nghệ. Theo đó, toàn bộ hoạt động của 5 trung tâm xử lý khu vực và 58 trung tâm xử lý thanh toán cấp tỉnh được tập trung hóa về Trung tâm xử lý quốc gia; bổ sung các dịch vụ thanh toán ngoại tệ (USD, EUR) và dịch vụ xử lý quyết toán theo lô; nâng cấp tổng thể về trang thiết bị, đường truyền và công nghệ để tăng hiệu năng xử lý của hệ thống thanh toán, giải quyết dứt điểm tình trạng quá tải của hệ thống. Với việc chuyển đổi thành công mô hình tập trung hóa Hệ thống TTĐTLNH, NHNN đã hoàn thành tập trung hóa hoàn toàn về hạ tầng công nghệ thông tin và các hệ thống thông tin nghiệp vụ, hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý, điều hành hàng ngày, cung cấp dịch vụ thuận lợi cho TCTD và tiết kiệm chi phí đầu tư trang bị, vận hành và bảo trì các hệ thống công nghệ thông tin hàng năm.

¹⁴ Thông tư số 09/TT-NHNN ngày 21/10/2020; Thông tư số 10/2020/TT-NHNN ngày 02/11/2020; Thông tư số 20/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020; Thông tư số 21/2020/TT-NHNN ngày 31/12/2020; Quyết định số 1820/QĐ-NHNN ngày 26/10/2020; Quyết định số 1821/QĐ-NHNN ngày 26/10/2020.

Năm 2020, phân hệ nghiệp vụ ngân hàng lõi (Corebank) xử lý hơn 21,45 triệu giao dịch chuyển tiền, trung bình hơn 82 nghìn giao dịch mỗi ngày; phân hệ đấu thầu thị trường tiền tệ xử lý trên 252 phiên đấu thầu nghiệp vụ thị trường mở với giá trị hơn 25.000 tỷ đồng, 31 phiên đấu thầu tín phiếu NHNN với tổng giá trị hơn 140.000 tỷ đồng; hệ thống TTĐTLNH xử lý 126.193.409 giao dịch giá trị thấp với tổng số tiền là 3.588.270 tỷ đồng và 20.609.225 giao dịch giá trị cao với tổng số tiền là 100.970.675 tỷ đồng; tổng giá trị giao dịch tăng 6,26% so với năm 2019. Hệ thống Báo cáo và Kho dữ liệu tập trung bình quân mỗi ngày tiếp nhận khoảng 10.600 báo cáo từ gần 1.400 đơn vị gửi số liệu. Vào các ngày cao điểm, hệ thống tiếp nhận từ 24.000 đến 29.000 báo cáo.

Năm 2020, trước tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, NHNN chỉ đạo các đơn vị trong toàn ngành triển khai các phương án đảm bảo duy trì hoạt động liên tục, thông suốt, an toàn của hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ ngân hàng; triển khai hệ thống họp trực tuyến trên các thiết bị di động, xử lý văn bản qua mạng Internet để không làm gián đoạn các hoạt động bình thường của ngành Ngân hàng trong điều kiện cách ly xã hội...

Phần IV - Hợp tác quốc tế

Năm 2020 đánh dấu một năm hợp tác quốc tế trong bối cảnh hết sức đặc biệt khi các quốc gia cùng nỗ lực chống lại dịch bệnh và các sự kiện hợp tác đều diễn ra thông qua hình thức trực tuyến. Trong bối cảnh khó khăn đó, năm 2020 - là năm hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng với nhiều dấu ấn: là năm NHNN cùng Bộ Tài chính là đồng Chủ trì tổ chức thành công các hội nghị cấp cao trong khuôn khổ tiến trình hợp tác tài chính - ngân hàng khu vực ASEAN và ASEAN+3, là năm đánh dấu Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS), tiếp quản vị trí Giám đốc Nhóm nước tại Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB) nhiệm kỳ 01/7/2020-30/6/2022. Cùng với đó, NHNN tiếp tục tập trung phát triển và nâng tầm quan hệ với các đối tác quốc tế, tăng cường huy động các nguồn lực tài chính, kỹ thuật, tư vấn cho NHNN và Việt Nam, qua đó góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế



Hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

Với vai trò chủ tịch ASEAN, năm 2020, NHNN tổ chức thành công chuỗi Hội nghị cấp kỹ thuật, Hội nghị Ủy ban Cấp cao về Hội nhập ngân hàng khu vực ASEAN, chuỗi Hội nghị cấp cao của các Thống đốc NHTW và Bộ trưởng Tài chính khu vực ASEAN, ASEAN+3, các phiên đối thoại chính sách của các Thống đốc NHTW ASEAN với các Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ, châu Âu và các Giám đốc NHTM lớn trong khu vực. Với nỗ lực của toàn ngành và sự phối hợp với các quốc gia thành viên, NHNN đã đề xuất và thúc đẩy thành công 02 Sáng kiến hợp tác giữa các NHTW ASEAN, bao gồm: Sáng kiến Thúc đẩy kết nối thanh toán khu vực và Sáng kiến các nguyên tắc ngân hàng bền vững nhằm hướng tới hiện đại hóa, nâng cao tính hiệu quả của hệ thống thanh toán trong khu vực và xây dựng các nguyên tắc cho các NHTM ASEAN với mục tiêu phát triển bền vững cho khu vực ngân hàng và nền kinh tế các quốc gia ASEAN.

Ngoài các sáng kiến mới, NHNN đã phối hợp với các NHTW và Bộ Tài chính trong khu vực triển khai các

nội dung hợp tác thường xuyên đúng kế hoạch đề ra từ đầu năm. Trong khuôn khổ ASEAN+3, cùng với sự phối hợp của đồng chủ trì (Nhật Bản), NHNN phối hợp với các nước ASEAN+3 tiếp tục trao đổi và đề xuất các giải pháp thực tiễn nhằm nâng cao tính sẵn sàng của Thỏa thuận CMIM thông qua việc thống nhất nhiều văn kiện, nội dung quan trọng của Thỏa thuận CMIM.¹⁵ Tại các Hội nghị cấp cao, các Thống đốc NHTW và Bộ trưởng Tài chính ASEAN đánh giá rất cao các sáng kiến do NHNN đề xuất và đã phê duyệt các nội dung này để tiếp tục nghiên cứu áp dụng cho toàn khu vực thời gian tới.

NHNN tiếp tục tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và APEC trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính thông qua việc thường xuyên đối thoại chính sách và phối hợp triển khai hàng loạt các sáng kiến hợp tác khu vực... NHNN tích cực tham gia đàm phán, góp phần thúc đẩy tiến trình ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) đối với các nội dung liên quan đến lĩnh vực ngân hàng; ban hành Kế hoạch thực hiện FTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA); phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành hữu quan nỗ lực hoàn thành các thủ tục để tiến tới ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); hoàn tất ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh...

Trong năm 2020, NHNN phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo NHTW các nước Đông Nam Á (SEACEN) để xem xét và phê duyệt các vấn đề quan trọng trong hoạt động của SEACEN. NHNN tích cực chuẩn bị cho việc đăng cai tổ chức Hội nghị Thống đốc SEACEN (BOG) năm 2021.

Năm 2020, Việt Nam tham gia Tiến trình tài chính các nước G20, là diễn đàn quan trọng đưa ra các sáng kiến, chính sách toàn cầu về tài chính, tiền tệ, ngân hàng với vai trò Chủ tịch ASEAN. Thống đốc NHNN thay mặt các

¹⁵ Bao gồm cho phép tăng hạn mức tiếp cận CMIM từ 30% lên 40%; cho phép đóng góp bằng đồng bản tệ trong khuôn khổ CMIM trên cơ sở tự nguyện và nhu cầu của các nước; sửa đổi lãi suất tham chiếu của Thỏa thuận CMIM; cập nhật hướng dẫn hoán đổi CMIM; phê duyệt Hướng dẫn áp dụng khuôn khổ điều kiện chương trình CMIM; sửa đổi bổ sung Thỏa thuận CMIM 2019; tham gia chạy thử nghiệm chương trình CMIM bằng tiền thật (test-run 11)...

nước ASEAN kêu gọi sự ủng hộ của G20 với các sáng kiến của ASEAN. Sự tham gia tích cực và chủ động của NHNN đã hỗ trợ kết nối các sáng kiến, hoạt động của ASEAN với các nước G20, đặc biệt là các biện pháp ứng phó với đại dịch Covid-19 trong khuôn khổ G20.¹⁶ Cùng với sự tham gia tích cực của NHNN, các chủ trương, chính sách và thành quả của Việt Nam trong thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội đã được truyền thông hiệu quả tới các nước G20, các tổ chức quốc tế, góp phần nâng cao hình ảnh, vị thế của Việt Nam nói chung và NHNN, ngành Ngân hàng nói riêng trên các diễn đàn đa phương.

Trong khuôn khổ WTO, NHNN tích cực nghiên cứu, góp ý để không ngừng hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, tạo cơ sở cho công tác hội nhập khu vực ngân hàng một cách hiệu quả và bình đẳng. NHNN phối hợp cùng các bộ, ngành chuẩn bị, cung cấp nội dung để phục vụ Phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ hai trong khuôn khổ Hiệp định thành lập WTO. Song song với đó, NHNN tích cực tham gia các phiên trao đổi, đánh giá về diễn biến kinh tế-tài chính, các phản ứng chính sách của các quốc gia để tham vấn, đề xuất biện pháp chính sách phù hợp, góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế đa phương, mở rộng thị trường dịch vụ, tăng cường hợp tác tiền tệ - ngân hàng khu vực và quốc tế tại các diễn đàn đa phương.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế



Mở rộng hợp tác và tăng cường vị thế tại các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế như IMF, WB, ADB, AIIB, IBEC, IIB thông qua việc duy trì, phát triển quan hệ hợp tác, tăng cường công tác tư vấn, đối thoại chính sách, qua đó góp phần củng cố quan hệ ngày càng vững chắc với các tổ chức quốc tế.

Năm 2020 đánh dấu bước tiến vượt bậc trong tiến trình hội nhập quốc tế của NHNN và của ngành ngân hàng, hoàn tất các mục tiêu đề ra tại Đề án “*Đẩy mạnh*

¹⁶ Các gói hỗ trợ tài chính cho các nước đang phát triển và thu nhập thấp, sáng kiến hoãn trả nợ đối với những nước nghèo nhất, giãn thời gian thực hiện, nới lỏng một số quy định trong việc triển khai các chuẩn mực quốc tế trong quản lý và thanh tra giám sát hệ thống tài chính, hỗ trợ thúc đẩy phổ biến vắc-xin phòng Covid-19 trên phạm vi toàn cầu...

việc tham gia vào các thể chế tài chính - tiền tệ - ngân hàng khu vực và quốc tế” và Kế hoạch hành động thực hiện Đề án giai đoạn 2016-2020 mà Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2183/QĐ-TTg ngày 14/11/2016 nhằm tăng cường hiệu quả của việc tham gia các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế mà NHNN đại diện thay mặt cho Chính phủ và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ mới. Điểm sáng trong quá trình triển khai Đề án nêu trên là NHNN đã chính thức gia nhập BIS, trở thành thành viên thứ 63 của tổ chức này trong năm 2020. Việc tham gia BIS giúp NHNN được nhìn nhận và đánh giá cao trong cộng đồng tài chính quốc tế và mở ra cơ hội cho NHNN tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng, triển khai các chuẩn mực, nguyên tắc, tiêu chí, thông lệ hoạt động tài chính, tiền tệ, ngân hàng trên thế giới; qua đó củng cố tính minh bạch, cạnh tranh, an toàn, hiệu quả của hệ thống tài chính ngân hàng trong nước, hướng tới trình độ phát triển của các nước trên thế giới.

Trong quan hệ với AIIB, năm 2020, Việt Nam vinh dự được đảm nhiệm cương vị Giám đốc Nhóm nước tại AIIB nhiệm kỳ 01/7/2020 - 30/6/2022. Trên cương vị cao nhất trong Nhóm nước tại một tổ chức tài chính quốc tế, NHNN có nhiệm vụ điều hành chung và đại diện chính thức cho Nhóm nước trực tiếp tham gia vào công tác quản trị, điều hành AIIB. Điều này không những là yếu tố thuận lợi để trực tiếp bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam tại AIIB mà còn giúp khai thác hiệu quả nguồn lực của tổ chức này. Tháng 7/2020, Việt Nam đã khai thác được khoản vay đầu tiên của AIIB trị giá 100 triệu USD.

Trong quan hệ với WB, NHNN huy động và ký tiếp nhận Dự án hỗ trợ kỹ thuật “*Ứng phó khẩn cấp đại dịch Covid-19 của Việt Nam*” do WB tài trợ trị giá hơn 6,2 triệu USD. Hiện NHNN đang triển khai hỗ trợ kỹ thuật “*Tăng cường Phát triển và Lành mạnh khu vực Ngân hàng Việt Nam*” do Cục Kinh tế liên bang Thụy Sĩ (SECO) tài trợ ủy thác qua WB trị giá khoảng 7,2 triệu USD nhằm tăng cường phát triển và lành mạnh khu vực ngân hàng, xử lý tồn tại, hạn chế về cơ cấu trong hệ thống ngân hàng, hướng đến đáp ứng chuẩn mực quốc tế và góp phần ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô.

Trong bối cảnh Việt Nam đã tốt nghiệp nguồn vốn ưu đãi IDA của WB và COL của ADB, NHNN tích cực

trao đổi, bày tỏ quan điểm và vận động hai tổ chức này có các chính sách hỗ trợ sau chuyển đổi để hỗ trợ Việt Nam có thời gian thích nghi với các điều kiện vay vốn mới. Trong năm 2020, NHNN tích cực vận động và được WB đồng ý kéo dài thời hạn trả nợ nhanh các khoản vay IDA thêm 01 năm, qua đó giúp Chính phủ Việt Nam tập trung nguồn lực phòng chống dịch và phục hồi kinh tế.

Trong quan hệ với ADB, NHNN huy động, tiếp nhận Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Hỗ trợ giảm thiểu tác động của đại dịch Covid-19 cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ” do ADB tài trợ trị giá 5 triệu USD; hoàn tất thủ tục tiếp nhận Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Thúc đẩy chương trình cải cách bình đẳng giới tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương” trị giá 4 triệu USD và đang triển khai nhiều dự án hỗ trợ kỹ thuật khác trong các lĩnh vực tài chính xanh, công nghệ tài chính (fintech), tài chính toàn diện... Đồng thời, NHNN đề nghị ADB cung cấp các nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật về cho vay theo chuỗi, tài chính xanh, trái phiếu xanh và tài chính ngân hàng.

Trong quan hệ với IMF, NHNN tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Văn phòng IMF tại Việt Nam, Văn phòng Nhóm SEAGV trao đổi, cập nhật thông tin, số liệu, tham gia tích cực vào hoạt động của IMF. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra rộng khắp trên thế giới, IMF liên tục xây dựng các báo cáo dự báo, các kịch bản kinh tế liên quan đến dịch bệnh, từ đó đưa ra tư vấn chính sách cho Chính phủ Việt Nam, NHNN và các cơ quan, bộ, ngành về các giải pháp đối với nền kinh tế, các vấn đề tài khóa, ngân hàng tiền tệ. Hỗ trợ vai trò Chủ tịch ASEAN của Việt Nam, tháng 11/2020, NHNN đã phối hợp với IMF tổ chức thành công Hội nghị cấp cao về chủ đề “Đảm bảo tăng trưởng và tự cường trong khu vực ASEAN: Chính sách hậu Covid” bên lề Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN nhằm tạo diễn đàn cho các nước thành viên trong khu vực thảo luận về định hướng chính sách giúp hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Trong quan hệ với IIB/IBEC, NHNN tiếp tục tham gia xây dựng, sửa đổi chính sách, quy định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hai Ngân hàng này; đồng thời có ý kiến về việc xét duyệt các khoản vay của IBEC/IIB cho các nước/tổ chức huy động vốn và các hoạt động của

IBEC/IIB. Bên cạnh đó, NHNN làm đầu mối phối hợp với các cơ quan hữu quan thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc Việt Nam góp vốn vào IIB theo Chương trình tăng vốn giai đoạn 2020-2022 được Hội đồng Thống đốc IIB phê duyệt.

Năm 2020 là thời điểm mà các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế xây dựng và triển khai nhiều chính sách mới, có ý nghĩa quan trọng đối với các nước thành viên. Với vai trò là cơ quan đại diện của Chính phủ tại các tổ chức, NHNN chủ động nghiên cứu, đề xuất và bày tỏ quan điểm đối với các định hướng chính sách mới; báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề xuất các biện pháp chính sách phù hợp cho Việt Nam nhằm góp phần hài hòa hóa chính sách của các nhà tài trợ phù hợp với các ưu tiên chính sách phát triển kinh tế xã hội của Chính phủ Việt Nam. Ngoài ra, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, NHNN tích cực tham gia đối thoại chính sách giữa các NHTW/Bộ Tài chính các nước, các tổ chức quốc tế để tham vấn, chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật các biện pháp chính sách của các nước nhằm cộng hưởng, lan tỏa chính sách cho khu vực.

3. Quan hệ hợp tác song phương

Thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng, Chính phủ về tăng cường hội nhập quốc tế, trong năm 2020, NHNN tích cực đẩy mạnh hợp tác song phương với các đối tác ở nhiều khu vực trên thế giới, triển khai nhiều sáng kiến và hoạt động mới trong khuôn khổ các nhóm/tổ công tác, nâng cao hiệu quả và phát triển theo chiều sâu quan hệ với các đối tác truyền thống và các đối tác chiến lược (Lào, Campuchia, Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc và Nga), đồng thời tích cực thiết lập quan hệ với NHTW, cơ quan giám sát ngân hàng tại các khu vực tiềm năng mà Chính phủ có định hướng đẩy mạnh quan hệ thương mại, đầu tư như Trung Đông, châu Phi... góp phần thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, đầu tư giữa Việt Nam và các quốc gia này.

Đến nay, NHNN ký 75 Bản Ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác với NHTW, cơ quan quản lý giám sát ngân hàng các nước. Các Bản Ghi nhớ/thỏa thuận hợp tác đã tạo

“

Quan hệ hợp tác song phương tiếp tục được tăng cường và đẩy mạnh.

khuôn khổ quan trọng cho sự hợp tác nhiều mặt giữa NHNN với NHTW, cơ quan quản lý tiền tệ ngân hàng các nước trong các lĩnh vực như: thanh tra giám sát ngân hàng, thanh toán, phát triển nguồn nhân lực, đổi mới tài chính.

Trong quan hệ với các nước đối tác lớn, NHNN đã và đang làm đầu mối phối hợp với các bộ/ngành trao đổi kỹ thuật chuyên sâu với Bộ Tài chính Hoa Kỳ trong khuôn khổ Báo cáo “*Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Hoa Kỳ*” do Bộ Tài chính Hoa Kỳ thực hiện và vụ điều tra định giá thấp tiền tệ theo Mục 301 Đạo luật Thương mại 1974 do Văn phòng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) khởi xướng. Tại các buổi làm việc với các cơ quan hữu quan của Hoa Kỳ, NHNN luôn khẳng định chủ trương nhất quán không sử dụng chính sách tỷ giá để tạo lợi thế cạnh tranh không công bằng trong thương mại quốc tế và việc điều hành CSTT của NHNN nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. NHNN đề nghị phía Hoa Kỳ có đánh giá chính xác, phản ánh đặc thù của nền kinh tế Việt Nam.

Ngoài ra, thông qua các diễn đàn, ủy ban hợp tác song phương của Chính phủ với các quốc gia trên thế giới, NHNN chủ động đề xuất các nội dung hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng để thiết lập cơ chế trao đổi thông tin về khuôn khổ pháp lý, thông tin thị trường nhằm hỗ trợ, khuyến khích các NHTM Việt Nam tìm hiểu, kết nối và thiết lập quan hệ đại lý tại thị trường các nước.



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng
Tháng 12/2019	6,00	4,00	7,00
Tháng 1/2020	6,00	4,00	7,00
Tháng 2/2020	6,00	4,00	7,00
Tháng 3/2020	5,00	3,50	6,00
Tháng 4/2020	5,00	3,50	6,00
Tháng 5/2020	4,50	3,00	5,50
Tháng 6/2020	4,50	3,00	5,50
Tháng 7/2020	4,50	3,00	5,50
Tháng 8/2020	4,50	3,00	5,50
Tháng 9/2020	4,50	3,00	5,50
Tháng 10/2020	4,00	2,50	5,00
Tháng 11/2020	4,00	2,50	5,00
Tháng 12/2020	4,00	2,50	5,00

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2020
Số phiên	252
Kỳ hạn (ngày)	7; 14
Số lượt thành viên	37
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	102
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	102
Lãi suất (%/năm)	4,0; 3,5; 3,0; 2,5
Phương thức đấu thầu	Khối lượng
Chào bán	Năm 2020
Số phiên	31
Kỳ hạn (ngày)	91
Số lượt thành viên	295
Doanh số đặt thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	41.731
Doanh số trúng thầu bình quân/phiên (tỷ đồng)	4.741
Lãi suất (%/năm)	2,8; 2,69; 2,65
Phương thức đấu thầu	Lãi suất; Khối lượng

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC (*)

Đơn vị: %

Thời điểm bắt đầu hiệu lực	TIỀN GỬI BẰNG VND (**)		TIỀN GỬI BẰNG NGOẠI TỆ (****)				Tiền gửi nhận từ các TCTD ở nước ngoài (***)
	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên		
			Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	TCTD khác	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã	TCTD khác	
5/2011	3	1	5	6	3	4	
6/2011	3	1	6	7	4	5	
9/2011	3	1	7	8	5	6	1

(*) Không bao gồm QTĐND, tổ chức tài chính vi mô áp dụng tỷ lệ DTBB 0% đối với tất cả các loại tiền gửi; ngân hàng chính sách áp dụng tỷ lệ DTBB theo quy định của Chính phủ (hiện nay là 0%).

(**) Các TCTD có tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bình quân từ 40% trở lên được áp dụng tỷ lệ DTBB tiền gửi bằng VND thấp hơn tỷ lệ DTBB nêu trên theo quy định của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ CSTT để hỗ trợ các TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn (hiện có hiệu lực thi hành là Thông tư số 14/2018/TT-NHNN ngày 29/5/2018).

(***) Các TCTD hoạt động tại Việt Nam tính DTBB đối với tiền gửi nhận từ các TCTD ở nước ngoài (TCTD thành lập và hoạt động tại nước ngoài) bắt đầu từ tháng 9/2011.

(**) (****) Các loại tiền gửi bằng VND và bằng ngoại tệ thuộc cơ sở tiền gửi phải tính DTBB được quy định tại: (1) Quy chế DTBB đối với các TCTD và các văn bản sửa đổi, bổ sung trước tháng 02/2020; (2) Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 từ tháng 3/2020 đến nay.

Người: NHNN

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2019	2020
A. CÁN CÂN VĂNG LAI	12.168	12.529
Hàng hóa: Xuất khẩu F.O.B	264.189	282.655
Hàng hóa: Nhập khẩu F.O.B	242.968	251.930
<i>Hàng hóa (ròng)</i>	<i>21.221</i>	<i>30.725</i>
Dịch vụ: Xuất khẩu	19.920	6.290
Dịch vụ: Nhập khẩu	21.421	18.325
<i>Dịch vụ (ròng)</i>	<i>-1.501</i>	<i>-12.035</i>
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Thu	2.237	1.428
Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp): Chi	19.032	17.045
<i>Thu nhập đầu tư (Thu nhập sơ cấp) (ròng)</i>	<i>-16.795</i>	<i>-15.617</i>
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Thu	11.609	11.427
Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp): Chi	2.366	1.971
<i>Chuyển giao vãng lai (Thu nhập thứ cấp) (ròng)</i>	<i>9.243</i>	<i>9.456</i>
B. CÁN CÂN VỐN	0	0
Cán cân vốn: Thu	0	0
Cán cân vốn: Chi	0	0
C. CÁN CÂN TÀI CHÍNH	18.971	8.215
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	-450	-380
Đầu tư trực tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	16.120	15.800
<i>Đầu tư trực tiếp (ròng)</i>	<i>15.670</i>	<i>15.420</i>
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	3	4
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	2.995	-1.050
<i>Đầu tư gián tiếp (ròng)</i>	<i>2.998</i>	<i>-1.046</i>
Đầu tư khác: Tài sản có	-7.789	-8.699
Tiền và tiền gửi	-8.081	-8.710
TCTD	-4.346	-5.687
Khu vực khác	-3.735	-3.023
Cho vay, thu hồi nợ nước ngoài	0	0
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	292	11
Đầu tư khác: Tài sản nợ	8.092	2.540
Tiền và tiền gửi	2.875	180
TCTD	2.743	141
Khu vực khác	132	39
Vay, trả nợ nước ngoài	5.217	2.360
Ngắn hạn	286	4
Rút vốn	18.385	26.925
Trả nợ gốc	-18.099	-26.921
Dài hạn	4.931	2.356
Rút vốn	13.030	11.480
Chính phủ	2.350	2.015
Tư nhân	10.680	9.465
Trả nợ gốc	-8.099	-9.125
Chính phủ	-1.764	-1.826
Tư nhân	-6.335	-7.298
Tín dụng thương mại và ứng trước	0	0
Các khoản phải thu/phải trả khác	0	0
<i>Đầu tư khác (ròng)</i>	<i>303</i>	<i>-6.159</i>
D. LỖI VÀ SAI SÓT	-7.885	-4.111
E. CÁN CÂN TỔNG THỂ	23.254	16.632
F. DỰ TRỮ VÀ CÁC HẠNG MỤC LIÊN QUAN	-23.254	-16.632
Tài sản dự trữ	-23.254	-16.632
Tín dụng và vay nợ từ IMF	0	0
Tài trợ đặc biệt	0	0

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA VND VÀ USD

Đơn vị tính: VND/USD

Năm 2020	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank		Tỷ giá trung tâm	Tỷ giá niêm yết của Vietcombank	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	23.196	23.165	23.305	23.165	23.113	23.240
Tháng 2	23.224	23.170	23.310	23.219	23.174	23.314
Tháng 3	23.235	23.500	23.660	23.223	23.289	23.438
Tháng 4	23.257	23.330	23.510	23.241	23.373	23.553
Tháng 5	23.261	23.190	23.370	23.256	23.247	23.427
Tháng 6	23.229	23.120	23.300	23.236	23.132	23.312
Tháng 7	23.213	23.090	23.270	23.222	23.097	23.277
Tháng 8	23.200	23.090	23.270	23.209	23.090	23.270
Tháng 9	23.215	23.090	23.270	23.207	23.092	23.272
Tháng 10	23.201	23.090	23.270	23.197	23.095	23.275
Tháng 11	23.155	23.050	23.230	23.179	23.083	23.263
Tháng 12	23.131	23.035	23.215	23.147	23.040	23.220

Nguồn: NHNN, Vietcombank.

Ghi chú: Tỷ giá niêm yết nêu trên được hiểu là số lượng VND để đổi 1 USD.

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

Năm 2020	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	44,60	43,70
Tháng 2	46,50	45,31
Tháng 3	48,30	47,03
Tháng 4	48,50	48,27
Tháng 5	48,87	48,67
Tháng 6	49,39	48,91
Tháng 7	57,98	52,48
Tháng 8	57,40	57,23
Tháng 9	55,60	56,32
Tháng 10	56,35	56,31
Tháng 11	53,75	56,06
Tháng 12	56,10	55,44

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2016	So với tháng 12 năm trước	0,00	0,42	0,99	1,33	1,88	2,35	2,48	2,58	3,14	4,00	4,50	4,74
	So với tháng trước	0,00	0,42	0,57	0,33	0,54	0,46	0,13	0,10	0,54	0,83	0,48	0,23
	So với cùng kỳ	0,80	1,27	1,69	1,89	2,28	2,40	2,39	2,57	3,34	4,09	4,52	4,74
	Bình quân so với cùng kỳ	0,80	1,03	1,25	1,41	1,59	1,72	1,82	1,91	2,07	2,27	2,47	2,66
2017	So với tháng 12 năm trước	0,46	0,69	0,90	0,90	0,37	0,20	0,31	1,23	1,83	2,25	2,38	2,60
	So với tháng trước	0,46	0,23	0,21	0,00	-0,53	-0,17	0,11	0,92	0,59	0,41	0,13	0,21
	So với cùng kỳ	5,22	5,02	4,65	4,30	3,19	2,54	2,52	3,35	3,40	2,98	2,62	2,60
	Bình quân so với cùng kỳ	5,22	5,12	4,96	4,80	4,47	4,15	3,91	3,84	3,79	3,71	3,61	3,53
2018	So với tháng 12 năm trước	0,51	1,24	0,97	1,05	1,61	2,22	2,13	2,59	3,20	3,54	3,24	2,98
	So với tháng trước	0,51	0,73	-0,27	0,08	0,55	0,61	-0,09	0,45	0,59	0,33	-0,29	-0,25
	So với cùng kỳ	2,65	3,15	2,66	2,75	3,86	4,67	4,46	3,98	3,98	3,89	3,46	2,98
	Bình quân so với cùng kỳ	2,65	2,90	2,82	2,80	3,01	3,29	3,45	3,52	3,57	3,60	3,59	3,54
2019	So với tháng 12 năm trước	0,10	0,90	0,69	1,00	1,50	1,41	1,59	1,87	2,20	2,79	3,78	5,23
	So với tháng trước	0,10	0,80	-0,21	0,31	0,49	-0,09	0,18	0,28	0,32	0,59	0,96	1,40
	So với cùng kỳ	2,56	2,64	2,70	2,93	2,88	2,16	2,44	2,26	1,98	2,24	3,52	5,23
	Bình quân so với cùng kỳ	2,56	2,60	2,63	2,71	2,74	2,64	2,61	2,57	2,50	2,48	2,57	2,79
2020	So với tháng 12 năm trước	1,23	1,06	0,34	-1,21	-1,24	-0,59	-0,19	-0,12	0,01	0,09	0,08	0,19
	So với tháng trước	1,23	-0,17	-0,72	-1,54	-0,03	0,66	0,40	0,07	0,12	0,09	-0,01	0,10
	So với cùng kỳ	6,43	5,40	4,87	2,93	2,40	3,17	3,39	3,18	2,98	2,47	1,48	0,19
	Bình quân so với cùng kỳ	6,43	5,91	5,56	4,90	4,39	4,19	4,07	3,96	3,85	3,71	3,51	3,23

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2019	T3/2020	T6/2020	T9/2020	2020
Số dư cuối kỳ (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	10.573.725	10.755.572	11.118.423	11.485.845	12.110.606
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	9.375.630	9.432.207	9.873.490	10.204.957	10.772.685
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	8.195.393	8.302.412	8.494.504	8.694.050	9.192.566
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	14,78	1,72	5,15	8,63	14,53
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	15,37	0,60	5,31	8,85	14,90
3. Tín dụng đối với nền kinh tế	13,65	1,31	3,65	6,08	12,17

Nguồn: NHNN

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2012	3.245.419	5,25	36.544
2013	3.584.262	5,42	39.932
2014	3.937.856	5,98	43.402
2015	4.192.862	6,68	45.462
2016	4.502.733	6,21	48.286
2017	5.005.975	6,81	53.094
2018	5.542.332	7,08	58.105
2019	6.037.348	7,02	62.574
2020	6.293.145	2,91	64.490

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2020

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung

Giám đốc - Tổng Biên tập

TRẦN CHÍ ĐẠT

Chịu trách nhiệm bản thảo

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập

NGÔ THỊ MỸ HẠNH

Biên tập: NGUYỄN LONG BIÊN

NGUYỄN THỌ VIỆT

Thiết kế: NGUYỄN MẠNH HOÀNG

TRẦN HỒNG MINH

Publishing and contents responsibility

Director - Editor-in-Chief

TRAN CHI DAT

Typescript responsibility

Deputy Director - Deputy Editor-in-Chief

NGO THI MY HANH

Editors: NGUYEN LONG BIEN

NGUYEN THO VIET

Designer: NGUYEN MANH HOANG

TRAN HONG MINH

In 258 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh
Địa chỉ: Lô B2-2-5-KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Xác nhận đăng ký xuất bản số: 3916-2021/CXBIPH/3-162/TTTT
Quyết định xuất bản số: 456/QĐ-NXB TTTT ngày 17/12/2021
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2021
ISBN: 978-604-80-5911-8

Printed 258 copies, size 20,5 x 29 cm, at Phu Thinh Printing and Service Trading Co., Ltd
Add: B2-2-5-Nam Thang Long Industrial zone, Bac Tu Liem District, Ha Noi City
Publishing Plan: 3916-2021/CXBIPH/3-162/TTTT
Publishing Decision: 456/QĐ-NXB TTTT dated 17/12/2021
Completed and Registered in December 2021
ISBN: 978-604-80-5911-8